

GIÁO PHẬN VINH



KIM CHỈ NAM

Những hương dẫn mục vụ

XÃ ĐOÀI 2018

BẢNG VIẾT TẮT

AA:	Apostolicam Actuositatem
ARCC:	Ad Resurgendum Cum Christo
CNMVGĐ:	Cẩm Nang Mục Vụ Gia Đình, HĐGM Ý
EDE:	Ecclesia de Eucharistia
FC:	Familiaris Consortio
GL:	Bộ Giáo Luật 1983
HĐGM:	Hội đồng Giám mục
HĐLM:	Hội Đồng Linh Mục
HĐMV:	Hội Đồng Mục Vụ
HDMVDD:	Hướng Dẫn Mục Vụ Di Dân 2017
HDMVBT:	Đà Lạt – Hướng Dẫn Mục Vụ Bí Tích
IGL:	Institutio Generalis de Liturgia Horarum
IMR:	IL Missale Romanum
KCNLM:	Kim Chỉ Nam về Tác Vụ và Đời Sống linh mục
KCNGL & MV:	Canada - Kim Chỉ Nam Giáo Luật và Mục Vụ
LG:	Lumen Gentium
MC:	Mùa Chay
MEM:	Misericordia et Misera
MGS:	Mùa Giáng Sinh
MIO:	Mos Iugiter Obtinuit
MPS:	Mùa Phục Sinh
MTN:	Mùa Thường Niên
MV:	Mùa Vọng
NTBTSH:	Nghi Thức Bí Tích Sáu Hối
NTAN:	Nghi Thức An Táng
NTHP:	Nghi Thức Hôn Phối
NTTL:	Sách Nghi Thức Thánh Lễ 2000
NTXDBN:	Nghi Thức Xức Dầu Bệnh Nhân
NTGNKTG:	Nghi Thức Gia Nhập Kitô Giáo

NTTS:	Nghi Thức Thêm Sức
OT:	Optatam Totius
PDV:	Pastores Dabo Vobis
PO:	Presbyterorum Ordinis
RS:	Redemptionis Sacramentum
SC:	Sacrosantum Concilium
SCP & LNGM:	Sách Các Phép và Lễ Nghi Giám Mục
SGLHTCG:	Sách Giáo Lý Hội Thánh Công giáo
TTHPGT:	Một Số Quy Định về Thủ Tục Hôn Phối trong Giáo Tỉnh Hà Nội

Lời Mở Đầu

Khi triệu tập Công đồng Vatican II, Thánh Giáo hoàng Gioan XXIII muốn thực hiện một cuộc canh tân để Giáo hội có khả năng loan báo “Nước Trời đang tới” một cách hữu hiệu cho con người và thời đại hôm nay. Ngài mời gọi các Kitô hữu can đảm và sáng suốt nhận diện “những dấu chỉ thời đại”, dấu chỉ của hy vọng, bất chấp những khó khăn và mây mù hiện tại. Ngài ước mong Công đồng sẽ khai mở một mùa xuân mới, giúp Giáo hội lấy lại năng lực cổ cựa để tích cực canh tân và thích nghi.

Trong diễn văn bế mạc khoá họp thứ I của Công đồng, Đức Gioan XXIII đã long trọng lặp lại ước nguyện thâm sâu đó: “Công đồng sẽ đích thực là *Lễ Hiện Xuống mới*, làm cho Giáo hội được triển nở nguồn năng lực nội tại và mở rộng ra tất cả mọi lãnh vực của hoạt động nhân loại. Sẽ là một bước nhảy vọt của triều đại Đức Kitô trong thế giới, một sự tái xác định theo cách thể luôn luôn cao hơn và có tính thuyết phục hơn Tin Mừng cứu độ, sự loan báo rạng ngời về quyền tối thượng của Thiên Chúa, về tình huynh đệ nhân loại trong bác ái, về hứa hẹn hoà bình dưới trần thế cho những người thiện tâm.”¹

Để thực hiện sứ vụ này, Công đồng đặc biệt đề cao vai trò của Dân Thiên Chúa, một Dân tộc được tuyển chọn và có Đức Kitô là thủ lãnh. Đây đích thực là một “*Dân Tộc Thánh*” được tham dự vào sứ vụ ngôn sứ, vương giả và tư tế của Đức Kitô.² Thật vậy, nhờ bí tích Thánh tẩy, “mọi Kitô hữu đều trở nên hàng tư tế thánh thiện và vương giả, dâng lên Thiên Chúa những của lễ linh thiêng nhờ Đức Giêsu Kitô và

¹ x. Gioan XXIII, *Diễn văn bế mạc khóa I của Công đồng Vatican II*.

² x. LG 9-...

loan truyền kỳ công của Đấng đã gọi họ ra khỏi miền u tối để vào nơi đầy ánh sáng diệu huyền của Người.”³

Dĩ nhiên, theo Công đồng, chức tư tế cộng đồng của các tín hữu và chức tư tế thừa tác của các linh mục, mặc dù cùng tham dự vào chức tư tế duy nhất của Đức Kitô, nhưng có sự khác biệt rõ rệt không phải chỉ về cấp độ mà còn về yếu tính do thánh chức.⁴ Sắc lệnh *Presbyterorum Ordinis* viết: “Giữa lòng Dân Chúa, các tư tế của Giao Ước Mới, do ơn gọi và chức thánh, một cách nào đó cũng đã được dành riêng, không phải để tách biệt khỏi đoàn dân hoặc khỏi bất cứ một ai, nhưng để được thánh hiến hoàn toàn cho công việc Chúa trao phó.”⁵

Công cuộc canh tân và thích nghi để tích cực loan báo Tin Mừng cho nhân loại ở thời hiện đại là trách nhiệm của toàn thể cộng đồng Dân Chúa. Nhưng xem ra các văn bản của Công đồng nhấn mạnh đến vai trò của giám mục và giáo dân nhiều hơn vai trò của linh mục. Có lẽ, vì vậy, đó đây vang lên tiếng chì tiếng bác, tiếng nhỏ tiếng to chung quanh vai trò của linh mục. Bi thảm hơn, vào giai đoạn hậu Công đồng, đã nảy sinh cuộc khủng hoảng về căn tính, ơn gọi và sứ vụ linh mục, kéo theo sự giảm sút rõ rệt về ơn gọi linh mục tại Âu – Mỹ. Trào lưu thế tục hóa và xã hội tiêu thụ không những đã làm cho một số người đánh mất ý thức về đặc tính siêu nhiên của ơn gọi linh mục, mà còn quảng bá các quan niệm sống sai lạc thường gây nên thực trạng đau lòng.

Để đối phó với thảm trạng trên, Thánh Giáo hoàng Gioan Phaolô II đã triệu tập một Thượng Hội đồng Giám mục đặc

³ x. PO 2.

⁴ x. LG 28.

⁵ x. PO 3

biệt nhằm giải quyết vấn đề. Tông huấn hậu Thượng Hội đồng *Pastores Dabo Vobis* (1992) tái xác quyết căn tính linh mục: “Trong Giáo hội và cho Giáo hội, các linh mục theo góc độ bí tích, đại diện cho Chúa Kitô, là Đầu và Mục tử, các ngài rao giảng Lời Chúa cách chính thức, lập lại cử chỉ của Chúa Kitô để tha thứ và ban ơn cứu độ, nhất là qua bí tích Rửa Tội, bí tích Giải Tội và bí tích Thánh Thể, các ngài bày tỏ sự ân cần, lo lắng đầy tình yêu thương, đến độ trao hiến chính bản thân cho đoàn chiên mà các ngài quy tụ trong sự hợp nhất và dẫn đưa họ đến với Chúa Cha, nhờ Chúa Kitô và trong Chúa Thánh Thần.”⁶ Theo Thánh Giáo hoàng, “công cuộc *tân Phúc-âm-hóa* cần những nhà truyền giáo mới, đó chính là các linh mục dẫn thân sống ơn gọi linh mục như một con đường nên thánh.”⁷

Dựa trên định hướng của Thượng Hội đồng, năm 1994, Bộ Giáo sĩ công bố *Kim Chỉ Nam về tác vụ và đời sống linh mục*. Căn tính, linh đạo và đời sống thiêng liêng của linh mục đóng vai trò rất quan trọng trong đời sống mục vụ. Nói cách khác, đổi mới lối sống và đường hướng mục vụ đòi hỏi phải canh tân đời sống thiêng liêng.

Nhân dịp kỷ niệm 150 năm từ trần của thánh Gioan Vianey, Đức Giáo hoàng Biển Đức công bố *Năm Linh mục 2009-2010* để học hỏi, thảo luận, suy tư về tác vụ linh mục và thúc đẩy công cuộc canh tân thiêng liêng nơi hàng linh mục. Ngỏ lời với các tham dự viên Đại hội do Bộ Giáo sĩ tổ chức, ngày 12 tháng 3 năm 2010, Đức Giáo hoàng nhắc lại: “Chủ đề về căn tính linh mục (...) rất quan trọng cho việc thi hành tác vụ linh mục hiện nay và trong tương lai”.

⁶ X. PDV 15.

⁷ X. PDV 82.

Tham chiếu giáo huấn phong phú của Đức Gioan Phaolô II và Đức Biển Đức XVI, năm 2013, Bộ Giáo sĩ đã công bố ấn bản mới của *Kim Chỉ Nam về tác vụ và đời sống linh mục*. *Kim Chỉ Nam* này muốn trả lời những vấn nạn chính yếu về sứ vụ linh mục thuộc lãnh vực lý thuyết, kỷ luật và mục vụ, đặc biệt về ơn gọi và các thách đố mà công cuộc loan báo Tin Mừng đang đặt ra cho các linh mục. *Kim Chỉ Nam* cũng nhấn mạnh đến tầm quan trọng của chiều kích Kitô học đối với căn tính linh mục, cũng như sự hiệp thông, tình bạn và tình huynh đệ trong đời sống linh mục. Linh đạo linh mục được xây dựng trên Lời Chúa và các Bí tích, đặc biệt bí tích Thánh Thể. Dĩ nhiên các đức tính nhân bản và tri thức cũng rất cần cho công tác mục vụ trong thời đại chúng ta. Thường huấn, tĩnh tâm, linh thao,... không những rất hữu ích cho công tác mục vụ, mà còn giúp linh mục sống trách nhiệm, an vui và thánh đức.

Kim Chỉ Nam của giáo phận Vinh dĩ nhiên không thay thế *Kim Chỉ Nam về Tác vụ và Đời sống linh mục* của Bộ Giáo sĩ nói trên, nhưng chỉ khai triển và thực tại hóa Bộ Giáo Luật 1983 và các văn kiện của Giáo hội trong bối cảnh mục vụ của Giáo hội địa phương. Chính phụ đề “*Những Hướng dẫn Mục vụ*” nêu bật đặc điểm và mục đích *Kim Chỉ Nam* giáo phận Vinh. Nói rõ hơn, “*Kim Chỉ Nam. Những Hướng dẫn Mục vụ*” của giáo phận Vinh có nội dung như sau:

Chương I. Cơ Cấu Giáo Phận: đề cập đến cơ cấu tổ chức trong giáo phận và những điều liên quan.

Chương II. Mục Vụ Bí Tích: những quy định và hướng dẫn liên quan đến việc cử hành và sống các bí tích và á bí tích.

Lời Mở Đầu

Chương III. Mục Vụ Giáo Xứ: quy định những điều liên quan đến việc tổ chức mục vụ trong giáo xứ, như: chào lượt, lễ quan thầy, mục vụ di dân, giáo lý, hội đoàn, ơn gọi, quản lý và sử dụng tài sản,...

Kim Chỉ Nam này có hiệu lực thi hành từ ngày 25 tháng 01 năm 2018 và sẽ được thử nghiệm trong 3 năm.

Xã Đoài, ngày 01 tháng 01 năm 2018



✠ **Phaolô Nguyễn Thái Hợp, O.P.**

Giám mục Giáo phận Vinh

NHỮNG QUY TẮC TỔNG QUÁT

Điều 1

Kim Chỉ Nam này là luật địa phương, áp dụng cho Giáo phận Vinh.

Điều 2

Những quy định trong cuốn này không đi ngược luật phổ quát. Ngoài việc tuân theo những quy định này, các tín hữu phải tuân giữ luật phổ quát.

Điều 3

Từ khi có hiệu lực, Kim Chỉ Nam này thay thế Kim Chỉ Nam Giáo phận Vinh 1998.

Điều 4

Giám mục giáo phận nắm quyền lập pháp, tư pháp và hành pháp trong toàn lãnh thổ của mình. Các linh mục là cộng sự viên của ngài. Mọi hoạt động mục vụ cần được đặt dưới sự hướng dẫn của ngài, vị đại diện Chúa Kitô.

Điều 5

Kim Chỉ Nam này có tính tòng thổ, chi phối mọi thành phần dân Chúa thuộc giáo phận, những người không thuộc giáo phận nhưng đã có bản cư sở và những người vô gia cư đang sống trên địa bàn, trừ khi đã rõ cách khác.

Điều 6

Mọi hoạt động mục vụ dựa trên luật chung hay luật riêng giáo phận đều nhằm mang lại ơn cứu độ con người.

CHƯƠNG I CƠ CẤU VÀ TỔ CHỨC GIÁO PHẬN

I. GIÁM MỤC

1. Giám mục giáo phận

Điều 7

Giám mục giáo phận là vị được trao cho nhiệm vụ coi sóc một giáo phận.⁸

Điều 8

Giám mục giáo phận có mọi quyền thông thường, riêng biệt và trực tiếp trong giáo phận được uỷ thác cho ngài, ngoại trừ những trường hợp mà luật hoặc một sắc lệnh của Đức Giáo hoàng dành riêng cho quyền bính tối cao hoặc cho một quyền bính nào khác trong Giáo hội.⁹

Điều 9

Do thánh chức và năng quyền đã lãnh nhận, Giám mục giáo phận có nhiệm vụ giáo huấn, thánh hóa và cai quản giáo phận được trao phó cho mình. Trong nhiệm vụ giáo huấn chân lý, ngài phải tuân theo đúng giáo lý tinh tuyền của Giáo hội trong tinh thần vâng phục và hiệp thông trọn vẹn với Đức Giáo hoàng.

2. Giám mục phó, Giám mục phụ tá

Điều 10

Giám mục phó là Giám mục được đặt để trợ giúp Giám mục giáo phận, với quyền kế vị.¹⁰ Mỗi giáo phận chỉ có thể có một

⁸ x. GL 376.

⁹ x. GL 381 §1.

¹⁰ x. GL 403 §3.

Giám mục phó.

Điều 11

Giám mục phụ tá là Giám mục được đặt để trợ giúp Giám mục giáo phận, nhưng không có quyền kế vị.¹¹ Mỗi giáo phận có thể có nhiều Giám mục phụ tá.¹²

Điều 12

Các nhiệm vụ và quyền hạn của Giám mục phó và Giám mục phụ tá được ấn định do văn thư bổ nhiệm, do luật chung và do Giám mục giáo phận trao cho.¹³

Điều 13

Giám mục phó có nhiệm vụ giúp đỡ Giám mục giáo phận quản trị toàn giáo phận và thay thế ngài khi ngài vắng mặt hoặc bị ngăn trở. Giám mục phụ tá cũng có nhiệm vụ trên khi có năng quyền đặc biệt.¹⁴

Điều 14

Giám mục phó cũng như Giám mục phụ tá phải được đặt làm Tổng Đại diện hoặc Đại diện Giám mục. Các ngài thi hành sứ vụ trong sự hiệp nhất trọn vẹn với Giám mục giáo phận.¹⁵

II. TỔNG ĐẠI DIỆN, ĐẠI DIỆN GIÁM MỤC

1. Tổng Đại diện

Điều 15

Tổng Đại diện là Đấng Bản Quyền địa phương, có quyền hành pháp trong toàn giáo phận và trợ giúp Giám mục giáo phận

¹¹ x. GL 403 §1.

¹² x. GL 403.

¹³ x. GL 405-408.

¹⁴ x. GL 405 §2.

¹⁵ x. GL 406 §1; 407 §3.

trong việc cai quản giáo phận.¹⁶

Điều 16

Theo quy tắc chung, trong mỗi giáo phận, Giám mục giáo phận phải đặt một Tổng Đại diện với quyền hành thông thường.¹⁷

Điều 17

Tổng Đại diện, chiếu theo chức vụ, có quyền thực hiện tất cả công việc hành chính, trừ những công việc Giám mục giáo phận đã dành riêng cho mình hoặc những công việc luật đòi phải có sự uỷ nhiệm đặc biệt của ngài.¹⁸

2. Đại diện Giám mục

Điều 18

Đại diện Giám mục là Đấng Bản Quyền địa phương được Giám mục giáo phận chỉ định để giúp ngài trong một hoặc những phạm vi cụ thể.¹⁹

Điều 19

Khi nào thấy cần cho việc quản trị chính đáng của Giáo phận, Giám mục giáo phận cũng có thể đặt một hoặc nhiều Đại diện Giám mục cho mỗi khu vực thuộc Giáo phận hoặc cho một số công việc nhất định.²⁰

Điều 20

Các Đại diện Giám mục có quyền thông thường do luật phổ quát dành cho Tổng Đại diện, theo các quy tắc đã được ấn định, nhưng chỉ trong lãnh vực mà Đại diện Giám mục đã được đặt lên, trừ những việc Giám mục giáo phận đã dành riêng cho mình hoặc cho Tổng Đại diện, hoặc những gì luật đòi

¹⁶ x. GL 134 §3; 475.

¹⁷ x. GL 475.

¹⁸ x. GL 479.

¹⁹ x. GL 134, 476.

²⁰ x. GL 476.

phải có ủy nhiệm đặc biệt của Giám mục.²¹

Điều 21

Đại diện Giám mục phải tường trình cho Giám mục giáo phận biết những công việc quan trọng phải làm cũng như đã làm, và không bao giờ được hành động trái với ý muốn và ý hướng của Giám mục giáo phận.²²

III. LINH MỤC

Điều 22

Linh mục phải hiệp thông phẩm trật với Giám mục của mình trong tôn kính và vâng phục.²³

Điều 23

Vì thuộc linh mục đoàn, linh mục phải sống tình huynh đệ với các linh mục khác, sẵn sàng chia sẻ kinh nghiệm mục vụ, giúp đỡ nhau khi gặp khó khăn, gắn bó với nhau trong tình yêu thương đoàn kết.²⁴

Điều 24

Linh mục phải là người gương mẫu về đời sống đạo đức, luôn kết hiệp với Chúa Giêsu nhờ việc siêng năng cử hành và lãnh nhận các bí tích, suy gẫm Lời Chúa, giành thời giờ nguyện ngắm, kiểm điểm bản thân để kín múc sức sống cho đời sống mục vụ của mình.

Điều 25

Ngoài việc chu toàn các giờ kinh theo luật định, linh mục cần thực hành các việc đạo đức bình dân khác như ngắm tràng thánh giá, lần chuỗi Mân Côi, lần chuỗi Thương Xót,...

²¹ x. GL 479.

²² x. GL 480.

²³ x. PDV 28.

²⁴ x. PO 4,8,17,21.

Điều 26

Vào buổi tối, nếu đã dâng lễ, cầu Thánh Thể hay đọc kinh chung với cộng đoàn thì được miễn giờ Kinh Tối.

Điều 27

Linh mục cần tiếp tục chương trình đào tạo sau chủng viện bằng cách tham gia các kỳ thường huấn hàng năm, đọc sách, nghiên cứu, cập nhật các văn kiện mới của Giáo hội để làm giàu kiến thức và áp dụng cho chương trình mục vụ của mình.²⁵

Điều 28

Linh mục phải mặc tu phục giáo sỹ xứng với bậc mình. Nếu là linh mục triều phải mặc áo chùng thâm mỗi khi đi dâng lễ, cầu lượt, cử hành bí tích hoặc trong các giờ sinh hoạt chung với cộng đoàn dân Chúa.²⁶

Điều 29

Linh mục cần niềm nở tiếp đón khách đến viếng thăm hoặc cần gặp, nhưng phải thận trọng khi tiếp xúc với người khác phái, tuyệt đối không được tiếp khách trong phòng ngủ.

Điều 30

Tĩnh tâm:

- §1. Các linh mục trong giáo phận phải tham gia kỳ tĩnh tâm năm do giáo phận tổ chức.²⁷
- §2. Hàng quý (3 tháng), các linh mục đang làm mục vụ buộc phải tham dự tĩnh tâm ít nhất 1 ngày. Khi đã có lịch tĩnh tâm, các linh mục phải sắp xếp thời gian, tham gia đầy đủ.
- §3. Sau mỗi kỳ tĩnh tâm, linh mục quản hạt gửi Biên Bản Tĩnh Tâm cho Giám mục giáo phận để ngài nắm rõ tình hình của các linh mục trong giáo hạt.

²⁵ x. PDV 70.

²⁶ x. GL 284.

²⁷ x. GL 276 §2, 4^o.

Điều 31

Khi được 75 tuổi trọn, linh mục được yêu cầu đệ đơn nghỉ hưu lên Giám mục giáo phận. Sau khi đã xem xét mọi hoàn cảnh, Giám mục sẽ quyết định chấp nhận hoặc hoãn lại việc từ nhiệm. Giám mục phải cấp cho vị từ nhiệm nơi ăn ở xứng hợp, theo các quy tắc do Hội đồng Giám mục đã định.²⁸

Điều 32

Hàng năm, linh mục phải lập bản di chúc, trong đó cần ghi rõ điều mình lối lại. Nếu một linh mục qua đời mà không có di chúc, toàn bộ tài sản của ngài đương nhiên thuộc quyền Giáo phận định đoạt.

Điều 33

Tài sản:

- §1. Linh mục có quyền thủ đắc tài sản riêng hợp pháp do di sản thừa kế, do thi hành chức vụ, do bổng lễ hoặc do quà được biếu, tặng cho mình.
- §2. Linh mục được mua sắm phương tiện đi lại để hỗ trợ cho công việc mục vụ, tuy nhiên, cần giữ đức khó nghèo theo bậc sống của mình.
- §3. Mọi tài sản do người khác dâng cúng hay biếu tặng phải được hiểu là của giáo xứ, trừ khi họ nói rõ là cho linh mục.²⁹
- §4. Linh mục cần có sự tế nhị để tránh hiểu lầm khi giúp đỡ quê hương, gia đình.

Điều 34

Linh mục cần tránh:

- §1. Gây hiểu lầm hoặc làm gương xấu cho giáo dân trong tương quan với người khác phái.

²⁸ x. GL 538 §3.

²⁹ x. GL 531.

- §2. Việc tổ chức, tham gia ăn uống, tiệc tùng xa xỉ.
- §3. Mua sắm đồ dùng quá sang trọng trong nhà xứ.
- §4. Những hoạt động có thể gây hiểu lầm khi thăm hỏi con chiên xa quê hay ở nước ngoài.
- §5. Mọi hình thức làm kinh tế: kinh doanh, góp cổ phần, quản trị nghiệp đoàn, bảo lãnh cho ai về bất cứ tài sản gì khi chưa có phép của Đấng Bản Quyền.³⁰
- §6. Sử dụng tài sản giáo xứ vào việc cho vay mượn, hoặc chi tiêu theo mục đích cá nhân.

1. Cha quản hạt

Điều 35

Cha quản hạt là một tư tế được Giám mục giáo phận bổ nhiệm làm đầu giáo hạt với thời hạn nhất định.³¹

Điều 36

Ngoài giáo xứ được giao phó cho mình, cha quản hạt không có quyền quản trị trên các giáo xứ khác trong giáo hạt. Tuy nhiên, ngài được Giám mục giáo phận ban cho một số năng quyền nhất định, chẳng hạn việc chuẩn hôn nhân khác đạo cho những người thuộc giáo hạt hoặc cử hành hôn phối trên địa bàn giáo hạt.

Điều 37

Ngài có nghĩa vụ cổ vũ và phối trí mọi hoạt động mục vụ chung trong giáo hạt, giúp đỡ các giáo sỹ trong giáo hạt sống xứng đáng với bậc mình, nhất là về mặt thiêng liêng, tạo mối dây hiệp thông, thăm viếng, động viên, tổ chức các kỳ tĩnh tâm, trao đổi, chia sẻ, trợ giúp công việc mục vụ, nâng đỡ các

³⁰ x. GL 285-286.

³¹ x. GL 553-554.

linh mục trong giáo hạt gặp khó khăn,...³²

Điều 38

§1. Ngài phải liệu sao cho các nghi lễ tôn giáo được cử hành đúng theo những quy định của phụng vụ thánh, cho việc trang hoàng và vẻ mỹ quan của các nhà thờ và các đồ vật thánh được tuân giữ cẩn thận, nhất là trong việc cử hành Thánh lễ và lưu giữ Thánh Thể.

§2. Ngài có quyền và trách nhiệm kiểm tra định kỳ các loại sổ sách của các giáo xứ trong giáo hạt: sổ Rửa Tội, sổ Thêm Sức, sổ Hôn Phối,... và bản kiểm kê tài sản hàng năm.³³

Điều 39

Hàng năm, cha quản hạt làm sổ tất niên giáo hạt và nộp về cho Tòa Giám mục, kèm theo những văn thư miễn chuẩn hôn nhân khác đạo đã thực hiện.

2. Cha xứ

Điều 40

Cha xứ là chủ chăn riêng của giáo xứ, ngài thi hành trách nhiệm mục vụ của cộng đoàn được uỷ thác cho ngài, dưới quyền Giám mục giáo phận, để thi hành nhiệm vụ giảng dạy, thánh hoá và lãnh đạo cộng đoàn, với sự cộng tác của các linh mục khác, các phó tế và giáo dân, chiếu theo quy tắc của luật.³⁴

2.1. Việc bổ nhiệm

Điều 41

Cha xứ được Giám mục giáo phận bổ nhiệm vô thời hạn, tuy nhiên, giám mục cũng có thể bổ nhiệm cha xứ có thời hạn, nếu

³² x. GL 555.

³³ x. GL 555 §1, 3^o.

³⁴ x. GL 519.

được Hội đồng Giám mục chấp thuận qua một sắc lệnh.³⁵

Điều 42

Sau khi đã cân nhắc mọi hoàn cảnh, Giám mục giáo phận phải bổ nhiệm một linh mục mà ngài xét là có đủ khả năng xứng hợp để chu toàn trách nhiệm mục vụ ở một giáo xứ đang khuyết vị, và phải tránh mọi thiên vị; để thẩm định về khả năng xứng hợp này, ngài phải tham khảo ý kiến của cha quản hạt và phải điều tra thích đáng bằng cách tham khảo ý kiến, nếu có thể được, của một số linh mục cũng như của giáo dân.³⁶

Điều 43

Mỗi cha xứ chỉ lãnh trách nhiệm coi sóc một giáo xứ; cũng vậy, mỗi giáo xứ chỉ có một cha xứ mà thôi. Tuy nhiên, vì hoàn cảnh, một cha xứ có thể được ủy thác coi sóc nhiều giáo xứ lân cận. Cha xứ thi hành nhiệm vụ tại giáo xứ kể từ ngày nhậm chức.³⁷

2.2. Nhiệm vụ chính yếu

2.2.1. Nhiệm vụ giảng dạy

Điều 44

Cha xứ buộc phải liệu sao để Lời Chúa được rao truyền cách toàn vẹn cho những người đang sinh sống trong giáo xứ, vì thế, ngài phải lo giảng dạy giáo dân về các chân lý đức tin, nhất là qua bài giảng trong các ngày Chúa Nhật và các ngày lễ buộc, cũng như qua việc đào tạo giáo lý. Ngài phải ủng hộ những chương trình nhằm cổ động tinh thần Tin Mừng, công bình xã hội; quan tâm cách riêng tới việc giáo dục trẻ em và thanh thiếu niên; lo lắng cho việc truyền giáo và tái truyền

³⁵ x. GL 522.

³⁶ x. GL 524.

³⁷ x. GL 526-527.

giáo.³⁸

2.2.2. Nhiệm vụ thánh hóa

Điều 45

Cha xứ phải liệu sao để Thánh Thể trở thành trung tâm của việc tập hợp các tín hữu trong giáo xứ, cho họ được nuôi dưỡng nhờ việc sốt sắng cử hành các bí tích, nhất là bí tích Thánh Thể và bí tích�ám Hối; ngài cũng phải cố gắng hướng dẫn cho họ biết cầu nguyện trong gia đình và biết ý thức tích cực tham gia vào việc phụng vụ thánh và canh chừng đừng để xảy ra một sự lạm dụng nào.³⁹

2.2.3. Nhiệm vụ cai quản

Điều 46

Để có thể chu toàn trách nhiệm chủ chăn, cha xứ phải cố gắng tìm hiểu các tín hữu đã được trao cho ngài coi sóc; ngài cũng phải đi thăm các gia đình, chia sẻ những vui buồn của các tín hữu. Nếu họ có sai sót cách nào đó, ngài cần sửa dạy họ cách khôn khéo; ngài phải giúp đỡ những người đau yếu, nhất là những người đang hấp hối với lòng bác ái, ân cần ban các bí tích và phó dâng linh hồn họ cho Thiên Chúa. Ngài cần đặc biệt quan tâm đến những người nghèo, bệnh tật, cô đơn, vô gia cư và đang gặp khó khăn; ngài cũng phải ra sức nâng đỡ và cổ vũ sự thăng tiến đời sống gia đình.⁴⁰

2.2.4. Đời sống hiệp thông

Điều 47

Trong tinh thần hiệp thông với Giám mục giáo phận và linh mục đoàn, cha xứ phải làm sao để các tín hữu biết quan tâm đến sự hiệp thông trong giáo xứ, góp phần vào sứ mạng chung

³⁸ x. GL 528 §1.

³⁹ x. GL 528 §2.

⁴⁰ x. GL 529 §1.

Chương I: Cơ Cấu và Tổ Chức Giáo Phận

của Giáo hội, tham gia và nâng đỡ những hoạt động nhằm mục đích cổ võ sự hiệp thông.⁴¹

2.2.5. Trách vụ được ủy thác riêng cho cha xứ

Điều 48

Những nhiệm vụ đã được ủy thác đặc biệt cho cha xứ:

- 1^o Ban bí tích Rửa Tội;
- 2^o Ban bí tích Thêm Sức cho những người nguy tử, chiếu theo quy tắc của Giáo luật điều 883, 3^o;
- 3^o Ban Cửa Ăn Đàng và bí tích Xức Dầu Bệnh Nhân;
- 4^o Chứng hôn và chúc hôn;
- 5^o Cử hành lễ nghi an táng;
- 6^o Làm phép giếng Rửa Tội trong mùa Phục Sinh, chủ sự các cuộc rước kiệu, cũng như ban phép lành trọng thể ngoài nhà thờ;
- 7^o Cử hành Thánh lễ cách trọng thể hơn trong các ngày Chúa Nhật và các ngày lễ buộc.⁴²

2.3. Các bốn phận đặc biệt

2.3.1. Bốn phận cư trú

Điều 49

Cha xứ buộc phải ở trong nhà xứ gần nhà thờ. Trong trường hợp đặc biệt, với lý do chính đáng, Đấng Bản Quyền có thể cho phép ở nơi khác, miễn là chu toàn trách vụ thuộc giáo xứ.⁴³

Điều 50

Trừ khi có lý do nghiêm trọng, mỗi năm cha xứ được phép vắng mặt khỏi giáo xứ để đi nghỉ tối đa 01 tháng, liên tục hoặc gián đoạn. Nếu vắng mặt khỏi giáo xứ quá một tuần lễ, cha xứ

⁴¹ x. GL 529 §2.

⁴² x. GL 530.

⁴³ x. GL 533 §1.

buộc phải báo cho Đấng Bản Quyền địa phương.⁴⁴

2.3.2. Bốn phận dâng lễ

Điều 51

Cha xứ cần dâng lễ mỗi ngày cho giáo dân trong giáo xứ của mình.

Điều 52

Cha xứ có nghĩa vụ phải dâng ý lễ cầu cho giáo dân của mình theo luật định; nếu mắc ngăn trở chính đáng không dâng được, ngài phải nhờ một linh mục khác dâng thay trong chính các ngày đó, hoặc chính ngài phải dâng bù lại vào các ngày khác, nhưng phải dâng sớm nhất có thể.⁴⁵

2.3.3. Quản trị tài sản

Điều 53

Cha xứ là người chịu trách nhiệm quản trị tài sản của giáo xứ theo luật chung và những quy định được nói ở các điều 328-339 của Kim Chỉ Nam này.

2.4. Chấm dứt chức vụ

Điều 54

Cha xứ chấm dứt nhiệm vụ do Giám mục giáo phận giải nhiệm hoặc do chuyển chuyển chiếu theo luật định, do mãn hạn hoặc do tự ý từ nhiệm với một lý do chính đáng; tuy nhiên, để được hữu hiệu, đơn xin từ nhiệm phải được Giám mục giáo phận chấp thuận.⁴⁶

Điều 55

Việc giải nhiệm một cha xứ là thành viên của một hội dòng hoặc đã nhập tịch vào một tu đoàn tông đồ phải được thực

⁴⁴ x. GL 533 §2.

⁴⁵ x. GL 534.

⁴⁶ x. GL 538.

hiện chiếu theo những quy định về việc bãi nhiệm một linh mục dòng hoặc tu đoàn tông đồ.⁴⁷

3. Cha phó⁴⁸

Điều 56

Cha phó là một tư tế được Giám mục giáo phận bổ nhiệm với tư cách là cộng tác viên của cha xứ, đảm nhận thừa tác vụ giáo xứ dưới quyền cha xứ.⁴⁹

Điều 57

Giám mục giáo phận bổ nhiệm cha phó sau khi đã tham khảo ý kiến cha xứ, cha hạt.

Điều 58

Trừ khi được minh nhiên dự liệu cách khác, cha phó buộc phải giúp đỡ cha xứ trong toàn bộ thừa tác vụ của giáo xứ, nhưng không buộc phải dâng ý lễ cầu nguyện cho giáo dân.⁵⁰

Điều 59

Trong lúc cha xứ vắng mặt hoặc bị ngăn cản thi hành nhiệm vụ mục vụ trong giáo xứ thì cha phó buộc phải đảm nhiệm mọi nghĩa vụ của cha xứ, trong giới hạn năng quyền cho phép, trừ nghĩa vụ dâng ý lễ cho giáo dân.⁵¹

Điều 60

Cha phó phải tường trình cho cha xứ biết những chương trình mục vụ được hoạch định và đang tiến hành thế nào để cha xứ và cha phó, hoặc các cha phó, có thể hợp tác với nhau để đảm nhận việc mục vụ giáo xứ mà các ngài cùng chịu trách

⁴⁷ x. GL 538 §2; 682 §2-3.

⁴⁸ x. GL 545-552.

⁴⁹ x. GL 545-547.

⁵⁰ x. GL 548.

⁵¹ x. GL 549.

nhiệm.⁵²

Điều 61

Về việc cư trú và thời gian nghỉ phép, cha phó cũng phải giữ những nguyên tắc như cha xứ.⁵³

Điều 62

Cha phó có thể bị Giám mục giáo phận hoặc giám quản Giáo phận bãi nhiệm, vì một lý do chính đáng, miễn là phải tôn trọng những quy định về việc bãi nhiệm một linh mục dòng hoặc tu đoàn tông đồ.⁵⁴

4. Tương quan giữa cha xứ và cha phó**Điều 63**

Cha xứ là người anh cả đối với cha phó; ngài phải yêu thương, giúp đỡ và tạo điều kiện để cha phó có thể phát huy khả năng, chu toàn bốn phận.

Điều 64

Cha phó cần hợp tác chặt chẽ với cha xứ trong đời sống và công tác mục vụ. Cần thống nhất với nhau một chương trình mục vụ cụ thể nhằm tránh sự chồng chéo và hiểu lầm. Khi có những công việc quan trọng trong giáo xứ, nhất là những vấn đề có tính mục vụ, cha xứ cần ưu tiên hội ý với cha phó trước khi hỏi ý kiến những người khác.

Điều 65

Ngoại trừ những ý lễ mà người xin lễ minh nhiên muốn xin cha phó, các ý lễ khác nên giao cho cha xứ. Cha xứ cần lo cho cha phó có đủ lễ dâng hàng ngày.

⁵² x. GL 548 §3.

⁵³ x. GL 550. Xem điều 49-50 của Kim Chỉ Nam này.

⁵⁴ x. GL 552.

Điều 66

Cha xứ và cha phó cần bàn với nhau về mức ăn mỗi ngày để quy định tiền ăn phải đóng hàng tháng. Trừ trường hợp ngoại thường, những người cư ngụ trong nhà xứ nên dùng bữa chung với nhau. Khi thành viên nào trong nhà không dùng bữa cần báo để cắt khẩu phần.

Điều 67

Nếu cha phó cần nuôi chú giúp, nên bàn với Cha xứ. Cha phó chỉ nên nuôi 1 chú và phải chịu tiền ăn hàng tháng.

Điều 68

Khách của ai thì người đó tiếp. Khi khách cần dùng bữa và nghỉ lại, các cha cần trao đổi với nhau và báo cho người giúp việc.

Điều 69

Những gì nói về cha phó trên đây cũng hiểu về cha phụ tá, trừ những điều Giáo luật dành riêng cho cha phó.

5. Thuyên chuyển và nhận xứ mới

Điều 70

Thuyên chuyển:

- §1. Khi có lý do chính đáng hoặc nhu cầu của Giáo phận, cha xứ sẽ được thuyên chuyển nhiệm sở theo Giáo luật.⁵⁵
- §2. Vị này phải bàn giao sổ sách và tất cả những gì thuộc về giáo xứ cho người kế nhiệm và đi khỏi giáo xứ trong thời gian sớm nhất có thể. Nên rời khỏi giáo xứ cách âm thầm, tránh phiền hà.⁵⁶
- §3. Kể từ đó, vị này cần chấm dứt những liên hệ có thể gây khó khăn cho vị kế nhiệm giáo xứ, đặc biệt, cấm mọi hình

⁵⁵ x. GL 1742; 1748.

⁵⁶ x. GL 1747 §1.

thức can thiệp vào công việc nội bộ của giáo xứ cũ khi các vị kế nhiệm không yêu cầu.

Điều 71

Nhận xứ mới:

- §1. Việc đến xứ mới cần thực hiện cách âm thầm, tránh phô trương, gây tốn kém.
- §2. Trước khi bắt đầu nhiệm vụ của mình, cha xứ cần làm một bản kiểm kê chính xác và chi tiết các tài sản giáo xứ, nhất là các bất động sản, động sản quý giá, có giá trị văn hoá, đồng thời mô tả và thẩm định giá trị của những tài sản ấy. Một bản kiểm kê phải được lưu trữ trong văn khố giáo xứ, một bản sao sẽ gửi về văn khố của Toà Giám mục.⁵⁷
- §3. Sau khi chuyển đến và ổn định chỗ ở, cha xứ có thể mời các cha trong giáo hạt về dâng lễ tạ ơn, chính thức ra mắt cộng đoàn.

IV. HỘI ĐỒNG LINH MỤC

Điều 72

Trong mỗi giáo phận phải thiết lập Hội đồng Linh mục, tức là đoàn thể tư tế, giống như nghị viện của Giám mục, đại diện cho linh mục đoàn, Hội đồng này giúp ngài lãnh đạo giáo phận chiếu theo quy tắc của luật, nhằm mục đích cổ vũ tối đa lợi ích mục vụ của phần dân Chúa được uỷ thác cho ngài.⁵⁸

Điều 73

Hội đồng Linh mục có nhiệm vụ tư vấn cho Giám mục giáo phận khi đề ra những quy định về đường lối quản trị và định hướng mục vụ, đặc biệt trong những vấn đề quan trọng mà

⁵⁷ x. GL 1283 §2-3.

⁵⁸ x. GL 495; *Quy Chế HDLM Giáo phận Vinh, 2013.*

Giáo luật ấn định như triệu tập công nghị giáo phận,⁵⁹ sử dụng của cải dâng cúng trong giáo xứ, ấn định chế độ thù lao giáo sỹ,⁶⁰ xây dựng thánh đường,⁶¹ thành lập hoặc bãi bỏ giáo xứ hoặc những thay đổi quan trọng liên hệ đến giáo xứ.⁶²

Điều 74

Hội đồng Linh mục:

- §1. Được mời tham dự và buộc phải tham dự Công Nghị Giáo phận.⁶³
- §2. Đề cử hai cha xứ để trong trường hợp cần thiết, Giám mục Giáo phận có thể tham khảo ý kiến, đặc biệt trong việc giải nhiệm hay chuyển linh mục.⁶⁴

V. BAN TƯ VẤN

1. Thành lập

Điều 75

Ban Tư vấn là một cơ cấu bắt buộc phải có trong giáo phận và được tuyển chọn từ các thành viên của Hội đồng Linh mục. Số thành viên: 6 đến 12 người.

Điều 76

Nhiệm kỳ Ban Tư vấn là 5 năm, khi hết thời hạn, Ban Tư vấn vẫn tiếp tục thi hành các nhiệm vụ riêng của mình cho đến khi Ban Tư vấn mới được thành lập.⁶⁵

⁵⁹ x. GL 461.

⁶⁰ x. GL 531.

⁶¹ x. GL 1215 §2.

⁶² x. GL 515 §2.

⁶³ x. GL 463 §1, 4^o.

⁶⁴ x. GL 1742 §1.

⁶⁵ x. GL 502 §1.

2. Nhiệm vụ

Điều 77

Ban Tư vấn là cố vấn thường xuyên cho Giám mục giáo phận trong việc cai quản và điều hành giáo phận.

Điều 78

Ban Tư vấn:

- §1. Trong trường hợp cần tòa, nếu Tòa thánh không dự liệu cách khác và không có giám mục phó, giám mục phụ tá hoặc tổng đại diện hay Đại diện Giám mục, và nếu không có danh sách được lập cho trường hợp này, thì Ban Tư vấn chọn một tư tế để lãnh đạo giáo phận.⁶⁶
- §2. Trong trường hợp tòa khuyết vị, nếu không có Giám mục phụ tá và tòa thánh không dự liệu cách khác thì Ban Tư vấn có quyền lãnh đạo giáo phận và trong vòng 8 ngày phải bầu vị giám quản giáo phận.⁶⁷
- §3. Nếu không có Giám mục phụ tá thì Ban Tư vấn, phải thông báo sớm nhất cho Tổng Tòa biết tin Giám mục giáo phận từ trần.⁶⁸
- §4. Phải được Đặc sứ giáo hoàng hỏi ý kiến khi bổ nhiệm Giám mục giáo phận hay Giám mục phó.⁶⁹

Điều 79

Khi tòa khuyết vị, phải có sự đồng ý của Ban Tư vấn, để:

- §1. Nhập tịch hay xuất tịch một tư tế;⁷⁰
- §2. Bãi nhiệm chức rước, công chứng viên;⁷¹

⁶⁶ x. GL 413 §1-2.

⁶⁷ x. GL 419-421 §1.

⁶⁸ x. GL 422.

⁶⁹ x. GL 377 §3.

⁷⁰ x. GL 272.

⁷¹ x. GL 485.

§3. Ban ủy nhiệm thư.⁷²

Điều 80

Ban Tư vấn, trước sự hiện diện của vị Chủ tọa án Tòa Giám mục, nhận Tông thư bổ nhiệm khi Giám mục phó hoặc Giám mục phụ tá nhậm chức trong trường hợp Giám mục giáo phận bị ngăn trở hoàn toàn.⁷³

Điều 81

Ban Tư vấn được Giám mục giáo phận:

§1. Hỏi ý kiến về việc bổ nhiệm hay bãi nhiệm quản lý giáo phận.⁷⁴

§2. Hỏi ý kiến khi thực hiện những hành vi quản trị kinh tế quan trọng hơn.⁷⁵

Điều 82

Giám mục giáo phận cần có sự ưng thuận của Ban Tư vấn khi quản trị hoặc chuyển nhượng tài sản của giáo phận ở mức quản trị ngoại thường.⁷⁶

VI. HỘI ĐỒNG KINH TẾ

Điều 83

Trong mỗi giáo phận phải thiết lập một Hội đồng Kinh tế mà chủ tịch là chính Giám mục giáo phận hoặc là người được ngài ủy nhiệm; Hội đồng này gồm ít nhất là ba Kitô hữu thực sự thông thạo trong lĩnh vực kinh tế cũng như trong luật dân sự và nổi tiếng là thanh liêm, do Giám mục bổ nhiệm.⁷⁷

Điều 84

⁷² x. GL 1018 §1, 2^o.

⁷³ x. GL 404 §3.

⁷⁴ x. GL 494 §1-2.

⁷⁵ x. GL 1277.

⁷⁶ x. GL 1277; 1292 §1.

⁷⁷ x. GL 492 §1.

Thành viên của Hội đồng Kinh tế phải được bổ nhiệm với nhiệm kỳ 5 năm, nhưng khi mãn hạn, họ có thể được tái nhiệm cho những nhiệm kỳ tiếp. Không được bổ nhiệm vào Hội đồng Kinh tế những người có họ với Giám Mục do huyết tộc hoặc do họ kết bạn tới bậc thứ tư.⁷⁸

Điều 85

Nhiệm vụ:

- §1. Phải chuẩn bị ngân sách các khoản thu chi dự trù cho việc lãnh đạo chung của giáo phận trong năm tới, và cuối năm phải chứng thực sổ thu chi.⁷⁹
- §2. Được tham khảo ý kiến trong việc ấn định khoản đóng góp hàng năm cho giáo phận.⁸⁰
- §3. Xét duyệt bản tường trình về việc quản lý, sử dụng tài sản Giáo hội của các pháp nhân công sau khi bản tường trình được nộp cho Giám mục giáo phận.⁸¹
- §4. Có quyền ưng thuận hay không trong việc chuyển nhượng hoặc đầu tư làm lợi cho tài sản của Giáo hội.⁸²

VII. CÁC BAN MỤC VỤ TRONG GIÁO PHẬN

Điều 86

Theo nhu cầu hiện tại, Giám mục giáo phận thành lập các Tiểu ban để thúc đẩy các hoạt động mục vụ trong Giáo phận:

Ban Giáo lý Đức tin; Ban Bác ái Xã hội - Caritas; Ban Phụng vụ; Ban Thánh nhạc; Ban Loan báo Tin Mừng; Ban Giáo dân và Gia đình; Ban Giới trẻ; Ban Mục vụ Sinh viên; Ban Mục vụ Di dân; Ban Truyền thông Xã hội; Tòa án Hôn phối; Ban các Dòng tu; Ban Giáo dục Kitô giáo; Ban Văn hoá; Ban Thể thao; Ban Công

⁷⁸ x. GL 492 §2-3.

⁷⁹ x. GL 493.

⁸⁰ x. GL 1263.

⁸¹ x. GL 1287 §1.

⁸² x. GL 1292 §1; 1305.

lý và Hoà bình; Ban Dự án; Ban Mục vụ Ôn gọi; Ban Mục vụ Bệnh nhân; Ban Mục vụ Doanh nhân;...

Điều 87

Theo từng lĩnh vực chuyên biệt của mình, các ban có nhiệm vụ cộng tác với Giám mục giáo phận thi hành sứ vụ chăm sóc, thăng tiến đời sống đức tin của Dân Chúa được trao phó và loan báo Tin Mừng cho những người chưa nhận biết Chúa.

VIII. GIÁO HẠT, GIÁO XỨ VÀ CÁC TỔ CHỨC KHÁC

1. Giáo hạt

Điều 88

Giáo hạt là đơn vị thuộc cơ cấu của Giáo hội địa phương, hợp thành một cộng đồng gồm các giáo xứ cận kề nhau trong một lãnh thổ nhất định thuộc giáo phận và được Giám mục giáo phận thiết lập. Giáo hạt không có tư cách pháp nhân trong cơ cấu tổ chức chính thức của Giáo hội.

Điều 89

Các giáo xứ trong giáo hạt thống nhất, liên đới và kết hợp với nhau trong các sinh hoạt chung như công tác dạy và học giáo lý, các hoạt động của giới trẻ, các hội đoàn tông đồ, việc bác ái, loan báo Tin Mừng,... nhưng cần tôn trọng những khác biệt đặc thù và chính đáng của từng giáo xứ.

2. Giáo xứ và các giáo họ

2.1. Giáo xứ

Điều 90

Giáo xứ là cộng đoàn Kitô hữu nhất định được thiết lập cách bền vững trong Giáo hội địa phương, mà trách nhiệm mục vụ

được uỷ thác cho cha xứ như là chủ chăn riêng của giáo xứ ấy, dưới quyền Giám mục giáo phận.⁸³

Điều 91

Chỉ một mình Giám mục giáo phận thành lập, bãi bỏ hoặc thay đổi giáo xứ; ngài không nên thành lập, giải thể hoặc thay đổi các giáo xứ một cách đáng kể mà không tham khảo ý kiến của Hội đồng Linh mục.⁸⁴

Điều 92

Giáo xứ có tư cách pháp nhân theo Giáo luật và có con dấu riêng. Mỗi giáo xứ có một cha xứ, nhưng cũng có thể có một hay nhiều cha phó.

Điều 93

Mọi tài sản của giáo xứ là tài sản chung của Giáo hội, thuộc sự quản lý của giáo phận, vì thế, việc sử dụng phải tuân theo luật chung và những quy định được nói ở điều 328 của Kim Chỉ Nam này.

Điều 94

Giáo xứ có Hội đồng Mục vụ và các ban ngành liên quan được đặt dưới quyền lãnh đạo của cha xứ.

Điều 95

Mỗi giáo xứ phải có văn khố riêng để lưu trữ các sổ sách, các kỷ vật ghi dấu ấn các thời kỳ lịch sử của giáo xứ và các văn thư của Tòa Giám mục.⁸⁵

2.2. Nhà thờ giáo xứ**Điều 96**

Nhà thờ giáo xứ là trung tâm của giáo xứ và của đời sống

⁸³ x. GL 515 §1.

⁸⁴ x. GL 515 §2.

⁸⁵ x. GL 535 §4.

thiên liêng các tín hữu. Nơi đó, họ có quyền vào để thi hành việc thờ phượng Thiên Chúa, nhất là việc thờ phượng công.⁸⁶

Điều 97

Nhà thờ giáo xứ phải được cung hiến cách trọng thể và phải cử hành lễ kỷ niệm cung hiến hàng năm với bậc lễ trọng.⁸⁷

2.3. Hội đồng Mục vụ giáo xứ

Điều 98

Hội đồng Mục vụ giáo xứ đại diện cho giáo dân trong giáo xứ, để phối hợp với cha xứ trong việc điều hành các sinh hoạt mục vụ và quản lý tài sản chung trong toàn giáo xứ.⁸⁸

Điều 99

Hội đồng Mục vụ chỉ có chức năng tư vấn và được điều hành theo các quy tắc do Giám mục giáo phận thiết lập.⁸⁹

2.4. Chuẩn giáo xứ

Điều 100

Chuẩn giáo xứ là một cộng đoàn Kitô hữu nhất định trong giáo phận, được ủy nhiệm cho một tư tế làm chủ chăn riêng, nhưng vì hoàn cảnh đặc biệt chưa thể thiết lập thành giáo xứ.⁹⁰

Điều 101

Chuẩn giáo xứ được đồng hóa với giáo xứ, được thiết lập bởi Giám mục giáo phận, có tư cách pháp nhân và cơ cấu, sinh hoạt như một giáo xứ.

2.5. Giáo họ

Điều 102

⁸⁶ x. GL 1214.

⁸⁷ x. GL 1217 §2; SCP & LNGM, số 878.

⁸⁸ x. GL 536 §1; *Quy chế HĐMV Giáo xứ Giáo phận Vinh, 2017.*

⁸⁹ x. GL 536 §2.

⁹⁰ x. GL 516 §1.

Giáo họ là một cộng đoàn Kitô hữu được thiết lập trong một lãnh thổ nhất định ở dưới cấp giáo xứ và trực thuộc giáo xứ.

Điều 103

Thông thường, giáo họ cũng có cơ cấu tổ chức và cơ sở vật chất giống như giáo xứ nhưng ở tầm mức nhỏ hơn.

Điều 104

Giáo họ được thiết lập bởi Giám mục giáo phận và không có tư cách pháp nhân.

3. Đền thánh – Trung tâm hành hương**Điều 105**

Đền thánh được hiểu là một nhà thờ hay một nơi thánh nào khác được nhiều tín hữu hành hương tới đó vì lòng đạo đức đặc biệt, với sự chấp thuận của Đấng Bản Quyền địa phương.⁹¹

Điều 106

Đấng Bản Quyền địa phương có thẩm quyền phê chuẩn các quy chế đền thánh giáo phận.⁹² Các quy chế phải xác định mục đích, quyền bính của cha quản nhiệm, quyền sở hữu và quản trị tài sản.⁹³ Ngoài ra, các kỷ vật dâng cúng có giá trị nghệ thuật bình dân và đạo đức được trưng bày trong các đền thánh hoặc trong các nơi kề cận phải được bảo tồn và gìn giữ an toàn.⁹⁴

Điều 107

Tại các đền thánh có thể được ban một số đặc ân xét theo hoàn cảnh địa phương, số người hành hương đông đảo và

⁹¹ x. GL 1230.

⁹² x. GL 1232 §1.

⁹³ x. GL 1232 §2.

⁹⁴ x. GL 1234 §2; SC 124.

nhất là lợi ích của các tín hữu đòi hỏi điều đó.⁹⁵

Điều 108

Tại các đền thánh, phải cung cấp các phương tiện cứu độ cho các tín hữu cách dồi dào, bằng việc rao giảng Lời Chúa, cổ vũ đời sống phụng vụ, đặc biệt qua việc cử hành bí tích Thánh Thể và bí tích�ám Hối, cũng như duy trì việc thực hành các hình thức đạo đức bình dân đã được chuẩn nhận.⁹⁶

Điều 109

Tại đền thánh và trung tâm hành hương, khi cử hành Thánh lễ phải tuân theo bậc lễ quy định của phụng vụ được nói ở các điều 177-180 trong Kim Chỉ Nam này.

IX. CHUNG VIỆN, HỘI DÒNG VÀ TU ĐOÀN TÔNG ĐỒ

1. Chung viện

Điều 110

Chung viện là nơi đào tạo linh mục cho toàn giáo phận.

Điều 111

Giám mục giáo phận là lãnh đạo tối cao và là người quản trị chung đối với chung viện. Ngài cần thường xuyên thăm hỏi, hướng dẫn công việc đào tạo và có quyết định cuối cùng về việc tiếp nhận, sa thải hoặc tiến chức của chủng sinh.⁹⁷

Điều 112

Mọi thành phần dân Chúa trong giáo phận có nhiệm vụ phải đóng góp về mặt vật chất và tinh thần, để xây dựng và hỗ trợ

⁹⁵ x. GL 1233.

⁹⁶ x. GL 1234 §1.

⁹⁷ x. GL 259.

công cuộc đào tạo của chủng viện.⁹⁸

Điều 113

Những điều liên quan đến cơ cấu và hoạt động của chủng viện phải tuân theo Quy Chế Đại Chủng Viện.

2. Các Hội dòng và Tu đoàn Tông đồ**Điều 114**

Đời sống tu trì biểu lộ trong Giáo hội hôn ước kỳ diệu được Thiên Chúa thiết lập như dấu chỉ của thế giới mai sau.⁹⁹

Điều 115

Bên cạnh những hội dòng và tu đoàn tông đồ đã tồn tại trong giáo phận, Giám mục giáo phận có thể tiếp nhận hoặc cho phép thiết lập các hội dòng hoặc tu đoàn tông đồ mới.

Điều 116

Các hội dòng và tu đoàn tông đồ cần lưu ý các điểm sau:

- §1. Khi đến lập cơ sở trong địa bàn giáo xứ, hội dòng hoặc tu đoàn phải có sự chấp thuận bằng văn bản của Giám mục giáo phận.¹⁰⁰
- §2. Phải có sự rõ ràng giữa tài sản của hội dòng hoặc tu đoàn tông đồ và tài sản của giáo xứ sở tại bằng văn bản.
- §3. Phải có hợp đồng cụ thể để đảm bảo quyền lợi và nghĩa vụ khi một linh mục dòng hoặc tu đoàn tông đồ được mời cộng tác hoặc coi sóc một giáo xứ trên địa bàn giáo phận.

⁹⁸ x. GL 264.

⁹⁹ x. GL 607 §1.

¹⁰⁰ x. GL 609 §1.

CHƯƠNG II MỤC VỤ BÍ TÍCH

Điều 117

Các bí tích được Chúa Giêsu thiết lập và ủy thác cho Hội Thánh cử hành. Bí tích là những dấu chỉ, phương thế biểu lộ và củng cố đức tin, để phụng thờ Thiên Chúa và thánh hóa con người.¹⁰¹

Điều 118

Các bí tích cần được cử hành với tất cả lòng kính cẩn và sốt sắng.¹⁰² Khi cử hành bí tích, thừa tác viên phải trung thành tuân theo Sách Nghi Thức đã được phê chuẩn, không được tự ý thêm bớt, sửa đổi.¹⁰³

Điều 119

Khi không có lý do chính đáng, thừa tác viên thánh không được từ chối ban bí tích cho người xin lãnh nhận.¹⁰⁴ Ngoài các quy định của Giáo luật, tuyệt đối không được tự tiện đặt thêm điều kiện nào để ban bí tích.¹⁰⁵

I. BÍ TÍCH RỬA TỘI

1. Việc chuẩn bị

1.1. Rửa tội trẻ em

1.1.1. Thông thường

Điều 120

Các cha xứ cần giúp cho giáo dân, đặc biệt là các bậc cha mẹ và

¹⁰¹ X. GL 840.

¹⁰² X. GL 840.

¹⁰³ X. GL 846 §1.

¹⁰⁴ X. GL 843 §1.

¹⁰⁵ X. GL 848.

những người đỡ đầu, ý thức về tầm quan trọng của Bí tích này, cũng như trách nhiệm giáo dục đức tin cho con cái.¹⁰⁶

Điều 121

Các bậc cha mẹ phải lo liệu cho con cái mình được rửa tội trong những tuần lễ đầu tiên sau khi sinh.¹⁰⁷ Để giúp cha mẹ chu toàn bốn phận đó, cha xứ nên ấn định một thời điểm thích hợp cho việc cử hành Bí tích này.

Điều 122

Để tiện cho việc ghi chép sổ sách, có thể làm phiếu rửa tội, với các chi tiết: tên thánh, tên gọi, ngày sinh, nơi sinh, tên cha mẹ, tên người đỡ đầu, địa chỉ...

1.1.2. Ngoại thường

Điều 123

Đối với trường hợp con ngoại hôn, cha xứ nên tận dụng cơ hội cha mẹ đến xin rửa tội cho con để nhắc nhở và tạo điều kiện cho họ hợp thức hóa hôn phối. Nếu họ không thể hợp thức hóa, cha xứ cũng lo liệu rửa tội cho con cái họ.

Điều 124

Đối với trường hợp con của cha mẹ rời hôn phối, cha xứ có thể ban bí tích Rửa Tội như trong trường hợp thông thường, nghĩa là khi có sự chấp thuận ít là của một trong hai người hoặc người thay quyền cha mẹ, với hy vọng chắc chắn là em sẽ được giáo dục trong đạo Công giáo. Nếu hoàn toàn thiếu niềm hy vọng này, phải hoãn việc rửa tội và cho cha mẹ của em biết lý do.¹⁰⁸

¹⁰⁶ x. GL 851 §2.

¹⁰⁷ x. GL 867 §1.

¹⁰⁸ x. GL 868 §1.

1.2. Rửa tội người lớn

Điều 125

Để có thể được rửa tội, đương sự phải bày tỏ ý muốn lãnh nhận bí tích. Trong thời gian dự tòng, họ phải được học biết đầy đủ những chân lý đức tin, nghĩa vụ Kitô giáo và được thử luyện sống đời Kitô hữu.¹⁰⁹

Điều 126

Thời gian dự tòng thông thường là 6 tháng, tối thiểu là 3 tháng, để đương sự có đủ thời giờ học hỏi và tập sống đức tin.¹¹⁰ Khi có lý do chính đáng, vì lợi ích thiêng liêng của đương sự cũng như những người liên hệ, cha xứ có thể quyết định theo sự khôn ngoan của mình.

Điều 127

Khi tiếp nhận một người thành niên xin học đạo và rửa tội, cha xứ cần sớm tìm hiểu động lực và tình trạng hôn nhân của họ. Nếu không có gì ngăn trở, ngài cho phép bắt đầu tiến trình dự tòng để rửa tội.

2. Cử hành bí tích Rửa Tội

Điều 128

Thông thường, bí tích Rửa Tội phải được cử hành theo nghi thức được quy định trong các sách phụng vụ đã được phê chuẩn. Khi khẩn cấp chỉ cần đổ nước và đọc công thức rửa tội.¹¹¹

Điều 129

Thừa tác viên thông thường của bí tích Rửa Tội là giám mục, linh mục và phó tế. Nếu thừa tác viên thông thường vắng mặt hoặc bị ngăn trở, thì một giáo lý viên hay một người khác

¹⁰⁹ x. GL 865 §1.

¹¹⁰ x. NTGNKTG, số 7.

¹¹¹ x. GL 850.

được Đấng Bản Quyền địa phương uỷ thác làm nhiệm vụ này, hơn nữa, trong trường hợp cần thiết, bất cứ người nào với ý hướng cần có, đều ban bí tích Rửa Tội cách hợp thức.¹¹²

Điều 130

Việc ban bí tích Rửa Tội cho người thành niên, ít là cho những người đã được 14 tuổi trọn, đặc biệt khi có nhiều người cùng xin rửa tội một lúc, cha xứ nên trình lên Giám mục giáo phận, để chính ngài ban Bí tích này, nếu xét thấy thuận lợi.¹¹³

Điều 131

Trừ trường hợp cần thiết, nếu không có phép, không ai được ban bí tích Rửa Tội trong một lãnh thổ khác, dù là ban cho những người thuộc quyền mình.¹¹⁴

Điều 132

Khi muốn được rửa tội ở một giáo xứ khác, phải xin giấy giới thiệu của cha xứ riêng.

Điều 133

Trừ khi có lý do chính đáng khuyên làm cách khác, nơi cử hành bí tích Rửa Tội là nhà thờ hoặc nhà nguyện của giáo xứ hoặc giáo họ, nơi đương sự thuộc về.¹¹⁵

Điều 134

Không được rửa tội tại tư gia và tại bệnh viện, trừ trường hợp cần thiết hoặc được Đấng Bản Quyền cho phép.¹¹⁶

Điều 135

Người đỡ đầu phải là người Công giáo, ít nhất trọn 16 tuổi, đã lãnh nhận bí tích Thêm Sức và Thánh Thể, có đời sống đức tin

¹¹² x. GL 861.

¹¹³ x. GL 863.

¹¹⁴ x. GL 862.

¹¹⁵ x. GL 857.

¹¹⁶ x. GL 860.

xứng hợp với nhiệm vụ.¹¹⁷

Điều 136

Muốn rửa tội cho một dự tòng không thuộc lãnh thổ giáo xứ mình, cần thông báo sớm cho cha xứ gần nơi đương sự sinh sống, để có thể biết thêm thông tin về đương sự trước khi rửa tội. Sau khi đã rửa tội, cũng nên thông báo cho ngài biết để ghi sổ.

Điều 137

Người dự tòng có thể học giáo lý tại nơi mình tạm trú, hoặc tại nơi thuận tiện cho họ. Họ cũng có thể xin rửa tội tại nơi học giáo lý hoặc tại nơi tạm trú với giấy chứng nhận đã học giáo lý. Cha xứ nơi rửa tội làm hồ sơ liên quan đến các bí tích khai tâm.

Điều 138

Trẻ em dưới 7 tuổi thì được rửa tội theo nghi thức của trẻ nhỏ; trẻ em trên 7 tuổi và đã biết sử dụng trí khôn thì được rửa tội theo nghi thức người lớn.

3. Sổ Rửa Tội

Điều 139

Cha xứ tại nơi cử hành bí tích Rửa Tội phải cẩn thận ghi những điều cần thiết vào sổ rửa tội: Tên của những người đã được rửa tội, thừa tác viên, cha mẹ, người đỡ đầu và những người làm chứng, nếu có, ngày và nơi ban bí tích Rửa Tội, cũng như ngày và nơi sinh của họ.¹¹⁸

Điều 140

Nếu cha xứ không cử hành bí tích Rửa Tội và cũng không có mặt, thì thừa tác viên của bí tích Rửa Tội, dù là ai đi nữa, phải thông báo cho cha xứ của giáo xứ nơi bí tích Rửa Tội đã được

¹¹⁷ x. GL 874.

¹¹⁸ x. GL 877 §1.

cử hành, để ngài ghi vào sổ.¹¹⁹

II. BÍ TÍCH THÊM SỨC

Điều 141

Thừa tác viên thông thường của bí tích Thêm Sức là Giám mục.¹²⁰

Điều 142

Linh mục được ban bí tích Thêm Sức trong những trường hợp sau đây:

- 1^o Được giám mục ủy quyền;
- 2^o Khi rửa tội người lớn hoặc tiếp nhận một người đã rửa tội vào hiệp thông trọn vẹn với Giáo hội;
- 3^o Cho bệnh nhân nguy tử;¹²¹
- 4^o Trước khi cử hành hôn phối nếu họ chưa lãnh nhận.

Điều 143

Vì một lý do nghiêm trọng, giám mục và cả linh mục nào có năng quyền ban bí tích Thêm Sức chiếu theo luật hoặc do nhà chức trách có thẩm quyền ban riêng cho, đều có thể mời các linh mục cùng ban bí tích với mình trong từng trường hợp.¹²²

Điều 144

Tuổi thông thường lãnh nhận bí tích Thêm Sức là 14 tuổi trở lên.¹²³

Điều 145

Cha xứ và cha mẹ phải giúp cho các em được học hỏi giáo lý

¹¹⁹ X. GL 878.

¹²⁰ X. GL 882.

¹²¹ X. GL 883 §3.

¹²² X. GL 884 §2.

¹²³ X. GL 891.

đầy đủ để lãnh nhận bí tích này cách xứng hợp.¹²⁴

Điều 146

Trừ khi có một ngăn trở nghiêm trọng, người tân tòng thành niên, sau khi lãnh nhận bí tích Rửa Tội, cũng được lãnh nhận bí tích Thêm Sức và bí tích Thánh Thể.¹²⁵ Bởi thế, họ phải được học giáo lý đầy đủ về các bí tích này trong tiến trình dự tòng.

Điều 147

Người đỡ đầu trong bí tích Thêm Sức có vai trò quan trọng như trong bí tích Rửa Tội, vì thế nên chọn người đỡ đầu Rửa Tội đảm nhận nhiệm vụ ấy,¹²⁶ không nên chọn một người đỡ đầu cho tất cả các em.

Điều 148

Nghi thức bí tích Thêm Sức không quy định việc người lãnh nhận phải cầm nến sáng khi tuyên xưng đức tin¹²⁷ và cũng không quy định phải lau dầu, vì thế, khi cử hành bí tích Thêm Sức không thực hành hai điều trên.

Điều 149

Chỉ có giám mục và những vị nào được ngài ủy quyền cùng ban bí tích Thêm Sức giơ tay trên người lãnh nhận khi đọc lời nguyện xin Chúa Thánh Thần.

III. BÍ TÍCH THÁNH THỂ

1. Dọn mình và cảm ơn

Điều 150

Các tư tế cần dọn mình trong hồi tâm tĩnh lặng trước khi cử

¹²⁴ x. GL 890.

¹²⁵ x. GL 866.

¹²⁶ x. GL 893 §2.

¹²⁷ x. NTTS, số 23.

hành Thánh lễ và dành một khoảng thời gian để tạ ơn Chúa sau khi cử hành Thánh lễ.¹²⁸

2. Số Thánh lễ được cử hành

Điều 151

Mỗi ngày các tư tế chỉ được cử hành một Thánh lễ, khi có lý do chính đáng và nhất là khi nhu cầu mục vụ đòi hỏi, được cử hành hai Thánh lễ vào ngày thường, và ba Thánh lễ trong các ngày Chúa Nhật và các ngày lễ buộc.¹²⁹

Điều 152

Tư tế nào muốn cử hành quá số lễ quy định trên, phải xin phép Đấng Bản Quyền địa phương.

Điều 153

Các trường hợp sau đây được cử hành nhiều lần:

- 1⁰ Thứ Năm Tuần Thánh: Lễ Dầu và lễ Tiệc ly;
- 2⁰ Lễ Phục Sinh: Lễ Vọng Phục Sinh và Lễ chính ngày;
- 3⁰ Lễ Giáng Sinh: Lễ Đêm, Lễ Rạng đông và Lễ ngày;
- 4⁰ Lễ cầu cho các tín hữu đã qua đời ngày 02/11: được dâng ba lễ: Lễ thứ nhất theo ý chỉ của người dâng, lễ thứ hai cầu cho các tín hữu, lễ thứ ba cầu theo ý Đức Giáo hoàng.

3. Thánh lễ đồng tế¹³⁰

Điều 154

Khi chủ tế đã khai lễ, không tư tế nào được vào đồng tế hay tiếp nhận ai vào đồng tế nữa.¹³¹

¹²⁸ x. GL 909.

¹²⁹ x. GL 905.

¹³⁰ x. IMR 199-209.

¹³¹ x. IMR 206.

Điều 155

Từ khi bắt đầu rước nhập lễ đến kết thúc Thánh lễ, các linh mục đồng tế không sử dụng điện thoại hoặc các thiết bị tương tự để quay phim, chụp hình.¹³²

3.1. Trường hợp phải đồng tế

Điều 156

Những trường hợp sau đây phải đồng tế:

- 1^o Thánh lễ tấn phong giám mục;
- 2^o Thánh lễ truyền chức linh mục;
- 3^o Thánh lễ cung hiến Dầu thánh;
- 4^o Thánh lễ chúc phong Viện phụ, Viện mẫu.

3.2. Trường hợp nên đồng tế

Điều 157

Trừ khi vì lợi ích của giáo hữu đòi phải dâng lễ riêng cho họ, nên đồng tế trong những trường hợp sau:¹³³

- 1^o Thánh lễ chiều thứ Năm Tuần Thánh;
- 2^o Thánh lễ dịp họp Công đồng, các cuộc họp của các giám mục và các Hội đồng Giám mục;
- 3^o Thánh lễ nhân dịp hội họp các linh mục triều cũng như dòng;
- 4^o Các linh mục trong một chủng viện, các hội dòng, nếu không phải cử hành Thánh lễ theo nhu cầu mục vụ riêng.

3.3. Trường hợp đồng tế với giám mục

Điều 158

Những trường hợp sau nên đồng tế với giám mục:

¹³² ĐGH Phanxicô, *Khi Tham Dự Thánh lễ, Đừng Chụp Hình*, <http://vietcatholic.org>. Truy cập ngày 10/11/2017.

¹³³ x. IMR 199.

- 1⁰ Thứ Tư Lễ Tro;
- 2⁰ Chúa Nhật Lễ Lá;
- 3⁰ Thánh lễ chiều thứ Năm Tuần Thánh;
- 4⁰ Thánh lễ Vọng Phục Sinh;
- 5⁰ Thánh lễ Mình và Máu Thánh Chúa Giêsu;
- 6⁰ Thánh lễ cầu cho các tín hữu đã qua đời;
- 7⁰ Thánh lễ ban bí tích Thêm Sức;
- 8⁰ Thánh lễ an táng, nhất là của Giám mục;
- 9⁰ Thánh lễ cung hiến nhà thờ hoặc bàn thờ;
- 10⁰ Thánh lễ tiếp nhận Đức tân Giám mục;
- 11⁰ Những ngày Giám mục đi kinh lý;
- 12⁰ Ngày linh mục nhận nhiệm sở theo luật;
- 13⁰ Thánh lễ chúc phong Viện phụ hoặc Viện mẫu;
- 14⁰ Thánh lễ khấn dòng của tu sỹ.

3.4. Năng quyền của Giám mục cho phép đồng tế

Điều 159

Năng quyền Giám mục cho phép những trường hợp sau:

- 1⁰ Thánh lễ tạ ơn của tân linh mục, của tu sỹ sau ngày khấn dòng;
- 2⁰ Kỷ niệm thụ phong linh mục, kỷ niệm ngày khấn dòng của tu sỹ: 25 năm, 50 năm, 60 năm;
- 3⁰ Linh mục quy tụ để tĩnh tâm;
- 4⁰ Thánh lễ an táng, lễ giỗ và các dịp khác cầu nguyện cho giáo sỹ đã qua đời;
- 5⁰ Dịp châu Thánh Thể của giáo xứ theo truyền thống của giáo phận;¹³⁴
- 6⁰ Khi linh mục được mời về sinh hoạt mục vụ. Ví dụ: giải tội,

¹³⁴ x. Kim Chỉ Nam này, điều 295.

tĩnh tâm, tập huấn và thành lập các đoàn thể trong giáo xứ;

7⁰ Thánh lễ an táng cha mẹ của giáo sỹ và tu sỹ, tập sinh và đại chủng sinh, tiền chủng sinh. Lễ giỗ lần đầu và mãn tang cha mẹ của giáo sỹ, tu sỹ và đại chủng sinh;

8⁰ Những dịp linh mục cử hành lễ cầu hồn cho cha mẹ, ông bà nội ngoại, anh chị em ruột của mình cũng như anh chị em dâu rể, thì được mời cha xứ đồng tế, hoặc ngược lại, khi cha xứ dâng lễ cho những người trên, linh mục đó cũng được đồng tế.

9⁰ Thánh lễ an táng thành viên Hội đồng Mục vụ giáo xứ đương nhiệm hoặc đã phục vụ ít nhất hai khóa;

10⁰ Thánh lễ an táng thành viên của hội đoàn theo quy chế đã được Giám mục giáo phận chuẩn nhận;

11⁰ Thánh lễ quan thầy các giáo xứ, giáo họ;

12⁰ Thánh lễ quan thầy các hội đoàn cấp giáo xứ, giáo họ thì được đồng tế không quá 3 linh mục;

13⁰ Những trường hợp đặc biệt khác, đương sự phải trình với cha xứ và cha xứ sẽ trình lên Đấng Bản Quyền.

3.5. Trường hợp được đồng tế lần thứ hai

Điều 160

Những trường hợp sau đây được đồng tế lần thứ hai:

1⁰ Thánh lễ có giám mục chủ tế;

2⁰ Thánh lễ tạ ơn của tân linh mục, của tu sỹ sau ngày khấn dòng;

3⁰ Thánh lễ kỷ niệm thụ phong linh mục, kỷ niệm ngày khấn dòng của tu sỹ: 25 năm, 50 năm, 60 năm;

4⁰ Thánh lễ an táng cha mẹ của giáo sỹ, tu sỹ, tập sinh, đại chủng sinh và tiền chủng sinh;

5⁰ Các linh mục trong giáo hạt cử hành các Thánh lễ trong

tuần châu lượt.

6⁰ Thứ Năm Tuần Thánh: Lễ Dầu và Lễ Tiệc Ly.¹³⁵

7⁰ Thánh lễ Phục Sinh: Lễ Vọng và Lễ chính ngày.¹³⁶

3.6. Trường hợp được đồng tế ba lần

Điều 161

Những trường hợp sau đây được đồng tế ba lần, nhưng phải theo giờ quy định:

1⁰ Thánh lễ Giáng Sinh;¹³⁷

2⁰ Thánh lễ cầu cho các tín hữu đã qua đời (2/11).¹³⁸

3.7. Trường hợp cấm đồng tế

Điều 162

Những trường hợp sau đây cấm đồng tế:

1⁰ Lễ thành hôn;

2⁰ Lễ an táng giáo dân, trừ trường hợp nói ở điều 159, 70-10⁰ của Kim Chỉ Nam này;

3⁰ Thánh lễ cho thiếu nhi, vì khả năng tâm lý của các em chưa thể nhận thức đúng về ý nghĩa của lễ đồng tế;

4⁰ Giữa các linh mục Công giáo với các linh mục hay thừa tác viên của những Giáo hội hoặc những cộng đoàn không hiệp thông hoàn toàn với Giáo hội Công giáo.¹³⁹

4. Cử hành Thánh lễ

4.1. Nơi chốn và nghi thức

Điều 163

¹³⁵ x. IMR 204, a.

¹³⁶ x. IMR 204, b.

¹³⁷ x. IMR 204, c.

¹³⁸ x. IMR 204, d.

¹³⁹ x. GL 908.

Nơi chốn cử hành:

- §1. Phải cử hành Thánh lễ tại nhà thờ, nhà nguyện hoặc nơi thánh khác; trong trường hợp đặc biệt, khi nhu cầu mục vụ đòi hỏi, phải cử hành ở một chỗ tôn nghiêm.¹⁴⁰
- §2. Được phép dâng lễ tại nghĩa trang chưa được làm phép vào dịp Lễ cầu cho các tín hữu đã qua đời và đầu năm Âm lịch.
- §3. Nếu cử hành Thánh lễ tại tư gia, đại diện gia đình phải trình với cha xứ và cha xứ trình lên Giám mục giáo phận.

Điều 164

Nghi thức cử hành:

Bí tích Thánh Thể là trung tâm toàn bộ đời sống Kitô giáo.¹⁴¹ Để việc cử hành luôn xứng hợp với đòi hỏi của bí tích này và đem lại nhiều lợi ích thiêng liêng cho các tín hữu, các tư tế không được tự ý thêm bớt hay thay đổi gì trong cử hành Thánh lễ.¹⁴²

Điều 165

Nghi thức đầu lễ:

- §1. Để Thánh lễ diễn tả đúng bản chất và phù hợp với nguyên tắc phụng vụ, cấm mọi hình thức giới thiệu thành phần vào lúc đầu lễ. Trong trường hợp đặc biệt, nếu phải đọc tiểu sử vắn tắt của người quá cố trong lễ an táng hay công bố Tông Thư,... thì sẽ được thực hiện ngay sau khi vị chủ tế đã xông hương bàn thờ.
- §2. Khi rước nhập lễ, nếu có rước sách Tin Mừng thì phải dùng sách Tin Mừng hoặc sách Các Bài Đọc, không được

¹⁴⁰ X. GL 932 §1.

¹⁴¹ X. IMR 16.

¹⁴² X. IMR 24; KCNLM, số 59.

rước cuốn Kinh Thánh.¹⁴³

§3. Sau công thức thống hối thì hát hay đọc Kinh Thương Xót, trừ khi đọc công thức thống hối thứ III, hoặc đã rảy nước thánh.¹⁴⁴

§4. Mỗi Thánh lễ chỉ có một lời nguyện nhập lễ. Không được phép đọc nhiều lời nguyện nhập lễ của các lễ khác nhau rồi đọc chung một câu kết. Nguyên tắc này cũng được áp dụng cho cả lời nguyện tiến lễ và hiệp lễ.¹⁴⁵

§5. Nghi thức gia nhập các hội đoàn chỉ được phép cử hành trước hoặc sau Thánh lễ. Nếu cử hành trước Thánh lễ thì thực hiện ngay sau khi chủ tế đã xông hương bàn thờ. Khi nghi thức kết thúc chủ tế mới khai lễ.

4.2. Phụng vụ Lời Chúa

Điều 166

Các bài đọc:

§1. Các ngày Chúa Nhật và lễ trọng có ba bài đọc, lễ kính có hai bài đọc, phải đọc đủ và đúng. Nếu lễ kính được nâng lên bậc lễ trọng, thì thêm bài đọc thứ ba lấy từ phần chung.¹⁴⁶

§2. Trong Thánh lễ mà các bài đọc được phép tùy chọn thì phải lấy từ sách Các Bài Đọc đã được phê chuẩn, không được đọc bản văn từ một cuốn Kinh Thánh,¹⁴⁷ hoặc từ các thiết bị điện tử. Tuyệt đối không thay thế bài đọc, thánh

¹⁴³ x. IMR 120; Theo nguyên tắc phụng vụ là phải rước sách Tin Mừng chứ không được rước sách Bài Đọc. Tuy nhiên, tại Việt Nam chưa ấn hành sách Tin Mừng riêng, thì có thể rước cuốn sách Bài Đọc.

¹⁴⁴ x. NTTL, số 7; SCP & LNGM, số 134.

¹⁴⁵ x. IMR 54; 77; 89.

¹⁴⁶ x. IMR 357.

¹⁴⁷ x. IMR 358; 362.

vịnh đáp ca bằng những bản văn ngoài Kinh Thánh.¹⁴⁸

§3. Trong Thánh lễ, việc công bố Tin Mừng chỉ dành cho thừa tác viên có chức thánh.¹⁴⁹

Điều 167

Giảng lễ:

§1. Bài giảng là thành phần của phụng vụ và rất được khuyến khích, vì cần thiết để nuôi dưỡng đời sống Kitô giáo. Khi giảng cần diễn giải hoặc một khía cạnh của các bài đọc Thánh Kinh, hoặc các bản văn nào khác thuộc phần chung hay phần riêng của thánh lễ ngày hôm đó, đồng thời lưu ý đến màu nhiệm được kính nhớ, hay nhu cầu riêng biệt của cộng đoàn.¹⁵⁰

§2. Tư tế phải luôn quan tâm đến việc giảng lễ bằng việc chuẩn bị chu đáo, có nội dung phù hợp, không quá dài cũng đừng quá giản lược.¹⁵¹

§3. Trong Thánh lễ, bài giảng thuộc về vị chủ tế, linh mục đồng tế hay phó tế. Chứng sinh, tu sỹ, giáo dân không được thi hành phận vụ này.¹⁵²

§4. Khi giảng, vị giảng thuyết đứng tại ghế chủ tọa hay tại giảng đài hoặc một nơi xứng hợp.¹⁵³

§5. Sau khi công bố Tin Mừng, không được phép rao lịch phụng vụ hoặc thông báo nào khác.

Điều 168

Lời nguyện tín hữu:

§1. Lời nguyện tín hữu thường gồm các ý sau: cầu cho Hội

¹⁴⁸ x. IMR 57; 61.

¹⁴⁹ x. RS 63.

¹⁵⁰ x. IMR 65.

¹⁵¹ x. IMR 65, RS 67.

¹⁵² x. IMR 66, RS 64-66.

¹⁵³ x. IMR 136.

Thánh, cho nhà cầm quyền, cho những người đau khổ và cho cộng đoàn địa phương.¹⁵⁴ Thứ tự các ý nguyện có thể thay đổi trong các trường hợp đặc biệt như: Lễ an táng, lễ thêm sức, lễ hôn phối,...

§2. Ý nguyện được xướng từ giảng đài hay một nơi xứng hợp. Chủ tế chỉ vắn tắt mời gọi và đọc lời nguyện kết thúc; ngài không nên thêm ý nguyện khác.¹⁵⁵

§3. Không được lấy Lời cầu trong các Giờ Kinh Phụng Vụ để đọc thay Lời nguyện chung khi cử hành Thánh lễ, ngoại trừ khi các Giờ Kinh Phụng Vụ được đọc liên kết với Thánh lễ trong ngày.¹⁵⁶

4.3. Phụng vụ Thánh Thể

Điều 169

Chuẩn bị lễ vật, truyền phép:

§1. Các tư tế phải đặc biệt quan tâm đến bánh, rượu và các đồ thánh sử dụng vào việc cử hành Thánh Thể.¹⁵⁷

§2. Nếu dâng lễ vật thì phải đơn giản, ngăn gọn, nghiêm trang, sốt sắng, luôn phải có bánh và rượu. Nếu dâng bánh lớn thì phải có đĩa thánh lớn hơn bánh lễ.¹⁵⁸

§3. Việc công bố Kinh Tạ Ơn được dành riêng cho tư tế.¹⁵⁹

§4. Khi có nhiều linh mục đồng tế, có thể dùng nhiều chén lễ, nhưng nên dùng một chén chính lớn. Khi đã truyền phép, tuyệt đối không được san Máu Thánh từ chén này sang chén khác.¹⁶⁰

¹⁵⁴ x. IMR 69; SC 53.

¹⁵⁵ x. IMR 71.

¹⁵⁶ x. IGL 94; 96.

¹⁵⁷ x. GL 924 §2-3.

¹⁵⁸ x. IMR 331.

¹⁵⁹ x. GL 907; RS 52; EDE 28.

¹⁶⁰ x. RS 105; 106.

- §5. Chủ tế không được bẻ bánh lúc đọc lời truyền phép.¹⁶¹
§6. Trong Thánh lễ đồng tế, các vị đồng tế phải đọc nhỏ tiếng hơn vị chủ tế.¹⁶²

Điều 170

Hiệp lễ:

- §1. Linh mục có thể trao bình an cho các thừa tác viên hoặc một số giáo dân, nhưng ngài luôn ở trên cung thánh.¹⁶³
§2. Các linh mục không tham gia đồng tế cũng rước lễ dưới hai hình.¹⁶⁴
§3. Các linh mục phải giữ chay Thánh Thể theo quy định của Giáo hội, đặc biệt thức uống có men, để tránh bất xứng và sinh gương xấu.¹⁶⁵
§4. Khi rước lễ, các tín hữu không được tự mình lấy Mình Thánh Chúa hoặc trao cho nhau. Nếu rước lễ bằng tay thì Mình Thánh Chúa phải được rước ngay sau khi nhận.
§5. Trong Thánh lễ hôn phối, các đôi tân hôn nhận Mình và Máu Thánh Chúa từ thừa tác viên. Tuyệt đối không để các đôi tân hôn tự cho nhau rước lễ.¹⁶⁶
§6. Khi cho rước lễ, thừa tác viên phải trao Mình Thánh Chúa cách cung kính, không nên hấp tấp, vội vàng. Phải lấy từng bánh thánh và trao cho người lãnh nhận.¹⁶⁷ Trong các dịp lễ lớn hay tại các trung tâm hành hương, nên cho rước lễ bằng miệng.¹⁶⁸

¹⁶¹ X. RS 55.

¹⁶² X. IMR 218.

¹⁶³ X. IMR 154.

¹⁶⁴ X. RS 99; IMR 283, a.

¹⁶⁵ X. GL 919.

¹⁶⁶ X. RS 94.

¹⁶⁷ X. IMR 161.

¹⁶⁸ X. RS 92.

- §7. Nghi thức bẻ bánh sau khi trao bình an chỉ dành cho tư tế và phó tế.¹⁶⁹ Tuy nhiên, đang khi cho rước lễ, nếu thiếu một vài bánh thánh, thừa tác viên ngoại thường có thể bẻ bánh thánh để rước lễ cho đủ.
- §8. Thứ tự ưu tiên thừa tác viên cho rước lễ: tư tế, phó tế, thừa tác vụ đọc sách giúp lễ, chủng sinh, tu sỹ, giáo dân.
- §9. Ca đoàn phải được rước lễ vào lúc thuận tiện trong buổi cử hành Thánh lễ, tránh tình trạng lễ xong các ca viên mới rước lễ.¹⁷⁰
- §10. Đang khi vị chủ tế rước lễ thì bắt đầu hát hoặc đọc Ca hiệp lễ.¹⁷¹ Trong khi cho rước lễ, có thể hát các bài hát có tâm tình ngợi khen, cảm tạ,... hướng về Thánh Thể. Có thể thỉnh lặng hoặc đọc những kinh dọn mình, cảm ơn rước lễ. Tuyệt đối không được hát các bài hoặc đọc các kinh về Đức Maria hoặc các Thánh trong phần này.

5. Bổng lễ

Điều 171

Bổng lễ nói chung:

- §1. Mỗi Thánh lễ được áp dụng một ý lễ có bổng lễ, dầu là nhỏ mọn.¹⁷²
- §2. Tuyệt đối tránh mọi hình thức thương mại hay đòi hỏi trong vấn đề bổng lễ.¹⁷³

Điều 172

Bổng lễ bina, trina:

¹⁶⁹ x. IMR 83.

¹⁷⁰ x. IMR 86.

¹⁷¹ x. IMR 86; 87.

¹⁷² x. GL 948.

¹⁷³ x. GL 947.

Ngoại trừ lễ Giáng Sinh,¹⁷⁴ bồng lễ dâng lần thứ hai (bina) hoặc thứ ba (trina) trong ngày, các tư tế được hưởng 50%, còn 50% gửi về Tòa Giám mục.

Điều 173

Bồng lễ đồng tế

- §1. Tư tế đồng tế Thánh lễ thứ hai trong cùng một ngày, thì không thể nhận thêm một bồng lễ nữa dưới bất cứ danh nghĩa nào.¹⁷⁵
- §2. Cha xứ đã dâng lễ chỉ cho giáo dân theo luật buộc (11 lễ trong năm), nếu sau đó ngài đồng tế thì không được nhận bồng lễ, tuy nhiên, nếu ngài chủ tế một Thánh lễ khác thì được nhận bồng lễ bina.

Điều 174

Ý lễ tập thể - lễ gộp

Linh mục có thể dâng một Thánh lễ cho nhiều ý lễ cùng một lúc (lễ gộp, messe collective), với các điều kiện sau:¹⁷⁶

- §1. Phải được tất cả những người xin lễ tự do chấp thuận; không được gợi ý hoặc tác động cách nào đó cốt để họ gộp lễ khi họ không muốn;
- §2. Phải thông báo ngày giờ và nơi dâng lễ cho tất cả những người xin lễ biết;
- §3. Không được vượt quá hai lần trong một tuần;

Theo Giáo luật, linh mục chỉ được giữ lại một bồng lễ theo mức ấn định,¹⁷⁷ tuy nhiên linh mục được phép nhận bồng lễ cao nhất trong các ý lễ gộp lần đó.

¹⁷⁴ x. GL 951 §1: Nếu dâng 3 lễ trong ngày Lễ Giáng Sinh thì lễ thứ nhất chỉ cho giáo dân như luật định, 2 lễ còn lại được nhận bồng lễ trọn vẹn.

¹⁷⁵ x. GL 951 §2.

¹⁷⁶ x. MIO, 2, §1-2; 3, §1-2.

¹⁷⁷ x. GL 952.

Số tiền còn lại phải chuyển cho Đấng Bản Quyền để dùng vào những mục tiêu do Giáo luật ấn định.¹⁷⁸

* **Lưu ý:** Quy tắc gộp ý lễ chỉ được áp dụng vì nguyện vọng của những người xin dâng lễ. Vì thế, nếu đưa ra bất cứ lý do nào khác để kêu gọi dâng ý lễ gộp sẽ được xem là lạm dụng, như kêu gọi dâng lễ gộp để sử dụng vào việc chung của giáo xứ, nhất là không được lẫn lộn sự cho phép của Giám mục trong vấn đề lễ gộp: Giám mục chỉ có quyền cho phép sử dụng bổng lễ gộp sau khi đã dâng chứ không có quyền cho gộp các ý lễ với nhau, vì quyền này thuộc về người xin lễ.

Điều 175

Lễ cầu cho các tín hữu đã qua đời (02/11): Hầu hết các giáo xứ trong giáo phận có truyền thống gộp tiền chung để xin lễ cho các linh hồn nhân dịp này. Linh mục nhận số tiền trên sẽ dâng lễ theo ý của Hội đồng Mục vụ giáo xứ xin, nếu họ không nói rõ số ý lễ thì linh mục được dâng 3 lễ với bổng lễ gấp 15 lần theo quy định của Hội đồng Giám mục; phần còn lại, phải dâng các ý lễ chỉ cho các linh hồn với bổng lễ theo mức thông thường mà cha xứ dâng hàng ngày tại giáo xứ.

Điều 176

Giám mục giáo phận phải dâng lễ chỉ cho giáo dân trong toàn giáo phận. Cha xứ phải dâng lễ chỉ cho giáo dân trong giáo xứ của mình, theo luật định.¹⁷⁹

Ngoài ra, các ngài còn phải dâng các lễ sau:

- §1. Lễ cầu cho các đẳng bậc (3/11), lễ cho ân nhân giáo phận sau lễ linh hồn (4/11).
- §2. 2 lễ cầu cho mỗi linh mục trong giáo phận vừa qua đời. Các ngài cũng có thể dâng lễ bina, trina theo ý chỉ trên.

¹⁷⁸ x. GL 951 §1.

¹⁷⁹ x. GL 388; 534. Tại Việt Nam có 11 lễ.

§3. Mỗi linh mục được dùng 15 bông lễ bina để đóng vào quỹ Hội đồng Linh mục và 2 lễ hàng tháng cho công tác giáo lý của giáo xứ.

6. Ngày Phụng vụ

Điều 177

Thứ tự cấp bậc lễ của ngày phụng vụ:

Cấp I

1. Tam nhật Vượt Qua: Khổ Nạn và Phục Sinh.
2. Lễ Giáng Sinh, Hiễn Linh, Thăng Thiên và Hiễn Xuống. Các Chúa Nhật Mùa Vọng, Mùa Chay và Mùa Phục Sinh. Thứ tư lễ Tro. Các ngày trong Tuần Thánh, từ thứ Hai đến hết thứ Năm. Các ngày trong tuần Bát nhật Phục Sinh.
3. Các lễ trọng kính Chúa, Đức Mẹ và các thánh có ghi trong lịch chung. Lễ cầu cho mọi tín hữu đã qua đời.
4. Các lễ trọng riêng, như:
 - a. Lễ trọng thánh Bồn mạng chính của địa phương, thành phố hay quốc gia ;
 - b. Lễ trọng Cung hiến thánh đường, hay ngày kỷ niệm Cung hiến thánh đường đó ;
 - c. Lễ trọng mừng tước hiệu của nhà thờ ;
 - d. Lễ trọng của dòng hay hội dòng mừng tước hiệu, hoặc Đấng sáng lập dòng, hay Bồn mạng chính của dòng.

Cấp II

5. Các lễ kính Chúa có ghi trong lịch chung.
6. Các Chúa Nhật Mùa Giáng Sinh và Mùa Thường Niên.
7. Các lễ kính Đức Mẹ và các thánh có ghi trong lịch chung.
8. Các lễ kính riêng, tức là:
 - a. Lễ Bồn Mạng chính của địa phận.

- b. Lễ kỷ niệm Cung hiến nhà thờ chính tòa.
 - c. Lễ kính Bốn mạng chính của miền, tỉnh, nước hay một vùng rộng lớn.
 - d. Lễ kính của dòng tu hay tu hội và tỉnh dòng mừng tước hiệu, Đấng sáng lập, Thánh Bốn mạng, trừ những điểm đã nói trong số 4.
 - đ. Các lễ kính riêng của một vài nhà thờ.
 - e. Các lễ kính khác có ghi trong lịch giáo phận, dòng hay hội dòng.
9. Các ngày trong tuần thuộc Mùa Vọng, từ ngày 17 đến hết 24 tháng 12.
- Các ngày trong tuần Bát nhật Giáng Sinh.
- Các ngày trong tuần thuộc Mùa Chay.

Cấp III

10. Các lễ nhớ bắt buộc có ghi trong lịch chung.
11. Các lễ nhớ bắt buộc riêng, tức là:
- a. Các lễ nhớ Bốn mạng phụ của địa phương, giáo phận, miền hay tỉnh, quốc gia, một vùng rộng lớn, của dòng hay hội dòng và tỉnh dòng.
 - b. Ít nhiều lễ nhớ bắt buộc riêng của một vài nhà thờ.
 - c. Các lễ nhớ bắt buộc khác có ghi trong lịch giáo phận, dòng hay hội dòng.

Điều 178

Việc cử hành:

V1: Thánh lễ có nghi thức riêng; Thánh lễ tùy nhu cầu và Thánh lễ ngoại lịch, do lệnh hay phép của Đấng thường quyền sở tại.¹⁸⁰

¹⁸⁰ x. IMR 330, 332.

Chương II: Mục Vụ Bí Tích

V2: Thánh lễ tùy nhu cầu và Thánh lễ ngoại lịch, theo sự xét đoán của vị phụ trách thánh đường hay của chính chủ tế, nếu thực sự có nhu cầu hoặc lợi ích mục vụ đòi hỏi.

V3: Thánh lễ tùy nhu cầu và Thánh lễ ngoại lịch, do chủ tế chọn theo lòng đạo đức của tín hữu

D1: Thánh lễ An táng

D2: Thánh lễ Cầu hồn (cầu cho người qua đời), sau khi được tin báo tử, trong ngày giỗ đầu và cải táng.

D3: Thánh lễ Cầu hồn (cầu cho người qua đời) hàng ngày

Điều 179

Áp dụng

1	Các lễ trọng buộc	Cấm tất cả các lễ trên
2	Các Chúa Nhật MV, MC và MPS.	
3	Tam Nhật Vượt Qua	
4	Các lễ trọng không buộc, Lễ Các Linh Hồn (2/11)	Được cử hành Thánh lễ D1
5	Lễ Tro, Thứ 2,3,4 Tuần Thánh	
6	Các ngày trong tuần Bát Nhật Phục Sinh	
7	Các Chúa Nhật Mùa GS và Mùa TN	Được cử hành Thánh lễ V1, D1
8	Các lễ kính	
9	Các ngày từ 17/12 đến 24/12	Được cử hành Thánh
10	Các ngày trong tuần Bát Nhật Giáng	

	Sinh	lễ V1, D1, D2
11	Các ngày thường trong Mùa Chay	
12	Các lễ nhớ bắt buộc	
13	Các ngày Mùa Vọng cho đến hết ngày 16/12	Được cử hành Thánh lễ V1, V2, D1, D2
14	Các ngày thường trong Mùa GS (từ 2/1)	
15	Các ngày thường trong Mùa PS sau Tuần Bát Nhật	
16	Các lễ nhớ không bắt buộc	Được cử hành Thánh lễ V1, V2, V3, D1, D2, D3
17	Các ngày trong tuần của Mùa Thường Niên	

Điều 180

Việc chuyển ngày lễ: Khi vì nhu cầu mục vụ muốn chuyển ngày lễ sang một ngày khác, cần phải tuân theo những quy tắc sau:

- §1. Chỉ được chuyển lễ khi lý do mục vụ quan trọng và phải chuyển gần hết sức có thể với ngày cố định theo lịch của Giáo hội;
- §2. Chỉ được chuyển lễ vào các ngày tự do và có thể cả trong ngày có lễ nhớ buộc.
- §3. Khi cử hành một lễ theo nhu cầu mục vụ trong các ngày thường Mùa Chay và các ngày Mùa Vọng từ 17-24/12 phải có phép của Đấng Bản Quyền sở tại.

Điều 181

Ba ngày đầu tháng: Việc giữ ba ngày thứ Năm, thứ Sáu, thứ Bảy đầu tháng là một truyền thống đạo đức lâu đời của giáo dân trong giáo phận. Lễ đầu tháng là lễ votiva với bậc lễ dưới lễ nhớ buộc, vì thế, khi linh mục cử hành Thánh lễ đầu tháng để đáp nhu cầu đạo đức của giáo dân phải tuân theo quy định về bậc lễ.

7. Thánh lễ cầu hồn

7.1. Nguyên tắc chung

Điều 182

Các tín hữu, sau khi qua đời, phải được an táng theo nghi thức Giáo hội.¹⁸¹

Điều 183

Đấng Bản Quyền địa phương ban phép cử hành an táng theo nghi thức Giáo hội cho những nhi đồng nào mà cha mẹ đã có ý xin rửa tội, nhưng đã chết trước khi được rửa tội.¹⁸²

7.2. Thánh lễ tại nhà hiếu

Điều 184

Bao lâu còn quàn xác tại nhà:

- §1. Tất cả các tín hữu đã qua đời: được dâng một Thánh lễ, không được đồng tế.
- §2. Cha mẹ của tu sỹ khấn trọn và đại chủng sinh: được dâng hai Thánh lễ và được đồng tế.
- §3. Cha mẹ linh mục: được dâng mỗi ngày một Thánh lễ và được đồng tế.

7.3. Nơi cử hành Thánh lễ an táng

Điều 185

¹⁸¹ X. GL 1176 §1.

¹⁸² X. GL 1183 §2.

Thông thường, Thánh lễ an táng được cử hành tại nhà thờ giáo xứ hoặc giáo họ.¹⁸³ Trường hợp quá xa nhà thờ, được dâng Thánh lễ an táng tại nhà hiếu.

8. Các vấn đề khác

8.1. Châu Thánh Thể

Điều 186

Khi không có sự hiện diện của thừa tác viên có chức thánh, vì lợi ích của các tín hữu, thừa tác viên ngoại thường được đặt Mình Thánh Chúa để châu, nhưng không được ban phép lành cùng với Thánh Thể.¹⁸⁴

8.2. Lễ sinh

Điều 187

Nên duy trì truyền thống cho các trẻ nam giúp lễ. Nếu là nữ, cần có phép của Giám mục giáo phận.¹⁸⁵

8.3. Đồ Thánh

Điều 188

Đồ thánh phải được tôn trọng cách đặc biệt, nhất là bình thánh, chén thánh và đĩa thánh.¹⁸⁶ Đồ thánh phải đúng với quy tắc truyền thống và phụng vụ, phải được làm phép.¹⁸⁷ Không được dùng các vật dụng thông thường để đựng Mình Thánh như khay, hộp bánh kẹo,...

Điều 189

Khăn thánh phải luôn sạch, đặc biệt là những khăn có chạm

¹⁸³ x. GL 1177 §1.

¹⁸⁴ x. GL 943.

¹⁸⁵ x. RS 47.

¹⁸⁶ x. IMR 327.

¹⁸⁷ x. RS 117-118.

đến Máu Thánh Chúa.¹⁸⁸

8.4. Thịnh lặng thánh

Điều 190

Thịnh lặng là thành phần của cử hành phụng vụ. Những lúc thịnh lặng: trong nghi thức sám hối (*sau lời mời gọi sám hối*) và sau lời mời cầu nguyện (*Chúng ta dâng lời cầu nguyện*); sau bài đọc I và bài đọc II (có thể); sau bài giảng; sau khi hiệp lễ.¹⁸⁹ Các tư tế cần giữ thịnh lặng trong phòng thánh, khi rước nhập lễ, đặc biệt trong Thánh lễ đồng tế.

Điều 191

Trong khi cử hành Thánh lễ và cầu Thánh Thể, không được đánh chuông trống, trừ khi hát Kinh Vinh Danh trong Thánh lễ Tiệc Ly và trong đêm Vọng Phục Sinh.

Điều 192

Kèn hơi được sử dụng khi rước nhập lễ và kết thúc Thánh lễ. Ở phần hiệp lễ cũng có thể được sử dụng, tuy nhiên, cần chọn các bài có giai điệu nhẹ nhàng, tâm tình.

8.5. Cử chỉ trong phụng vụ¹⁹⁰

Điều 193

Cúi đầu: Khi đọc tên Chúa Giêsu, Đức Maria, Thánh Giuse và tên vị thánh nào được mừng trong Thánh lễ và trong phụng vụ giờ kinh.

Điều 194

Cúi mình hay cúi sâu: Bàn thờ, Thánh Thể, Thánh giá sau nghi thức mở ánh chiều Thứ Sáu Tuần Thánh cho đến bắt đầu Đêm Vọng Phục Sinh; trước và sau khi xông hương cho ai hay cho

¹⁸⁸ x. RS 120.

¹⁸⁹ x. IMR 45; 56.

¹⁹⁰ x. SCP & LNGM, số 104-109; NTTL, số 101.

vật nào (trừ khi xông hương bàn thờ và lễ vật để dâng lễ).

Điều 195

Nâng tay lên và giang tay:

- §1. Khi tư tế đọc các lời nguyện dâng lên Chúa thì giữ hai tay giang ra và nâng lên vừa phải.
- §2. Khi tư tế ban phép lành trọng thể, và khi cử hành Bí tích hay Á Bí tích theo như sách phụng vụ hướng dẫn, thì giữ hai tay giơ ra, lòng bàn tay sắp.
- §3. Khi tư tế đọc kinh nài xin Chúa Thánh Thần (Epiclesis) trong Kinh Tạ Ơn thì giữ hai tay giơ ra, lòng bàn tay sắp và sắp lại với nhau. Khi đọc lời Truyền phép, các vị đồng tế giơ tay phải hướng về cửa lễ với lòng bàn tay nghiêng.

Điều 196

Xông hương:

- §1. Xông ba lần (mỗi lần 2 cái): Mình Thánh Chúa, gổ Thánh Giá và ảnh Chúa khi long trọng trưng bày, cửa lễ, Thánh Giá bàn thờ, sách Tin Mừng, Nến Phục Sinh, giám mục hoặc linh mục chủ tế, chính quyền khi chính thức tham dự cử hành thánh, kinh hội, dân chúng và thi hài người quá cố.
- §2. Xông hai lần (mỗi lần 2 cái): hài cốt, ảnh tượng Đức Mẹ và các thánh khi trưng bày để tôn kính công khai.¹⁹¹
- §3. Khi giám mục chủ tọa mà không cử hành Thánh lễ thì ngài được xông hương sau chủ tế và đồng tế.¹⁹²

8.6. Y phục phụng vụ**Điều 197**

Vị chủ tế phải luôn mặc áo lễ theo màu ấn định. Các vị đồng tế,

¹⁹¹ SCP & LNGM, số 92.

¹⁹² SCP & LNGM, số 97.

khi có lý do chính đáng, có thể chỉ mang dây các phép trên áo alba. Khi cử hành Thánh lễ, dù chỉ một giáo dân tham dự, linh mục buộc phải mặc lễ phục phụng vụ, không được phép chỉ mang dây các phép trên áo thụng của tu viện, áo chùng thâm, trên áo tu sỹ thường, hay y phục thông thường.¹⁹³

Điều 198

Khi cử hành phụng vụ, tư tể phải mang giày tây hoặc xăng-đan, không được mang giày thể thao hoặc dép lê.

8.7. Sắp xếp Cung thánh

Điều 199

Thánh giá: Luôn luôn phải đặt một thánh giá có tượng Chúa Kitô chịu đóng đinh trên hoặc gần bàn thờ, để cộng đoàn có thể nhìn thấy.¹⁹⁴

Điều 200

Giảng đài: Giảng đài phải cố định, chứ không phải là một giá sách di chuyển được. Nơi đó được dùng để đọc các bài đọc, thánh vịnh đáp ca và công bố Tin Mừng Phục Sinh, diễn giảng và xướng các ý nguyện chung.¹⁹⁵

Theo truyền thống, giảng đài thường được bố trí bên phải cung thánh theo hướng nhìn của giáo dân.

Điều 201

Ghế chủ tể:

- §1. Chỗ thích hợp nhất để đặt ghế chủ tể là phía đầu cung thánh, hướng về giáo dân, trừ khi lối kiến trúc thánh đường hoặc hoàn cảnh khác không cho phép. Nếu nhà tạm ở trung tâm cung thánh nhưng ở cấp cao hơn, thì có thể đặt ghế chủ tể ở giữa, miễn là khi đứng, vị tư tể không

¹⁹³ x. RS 124; 126.

¹⁹⁴ x. IMR 117; 122.

¹⁹⁵ x. IMR 309.

cẩn tằm nhìn của giáo dân đối với nhà tạm.¹⁹⁶

§2. Quy chế tổng quát sách lễ Rôma không đề cập đến bàn khai lễ, vì thế, cần bố trí một giá để sách tại ghế chủ tế, tránh việc khai lễ cũng như cử hành phần phụng vụ Lời Chúa tại bàn thờ.

Điều 202

Trang trí bàn thờ:

§1. Khăn bàn thờ phải là màu trắng; trên hoặc gần bàn thờ phải có 2, 4, hoặc 6 cây nến; nếu Giám mục giáo phận cử hành Thánh lễ, thì đặt 7 cây nến.¹⁹⁷

§2. Chưng hoa bàn thờ nên vừa phải, tránh rườm rà, cần có sự hài hòa và không cản trở tầm nhìn của giáo dân.¹⁹⁸

IV. BÍ TÍCH HÒA GIẢI

Điều 203

Để ban bí tích Hòa Giải thành sự, tư tế buộc phải có năng quyền giải tội. Năng quyền này do chức vụ hoặc do được ban.¹⁹⁹

Điều 204

Các linh mục có nhiệm vụ coi sóc linh hồn buộc phải liệu sao cho giáo dân của mình được xưng tội khi họ xin cách hợp lý. Các ngài phải thường xuyên giải tội và nên ấn định ngày giờ thuận tiện cho giáo dân.²⁰⁰

Điều 205

Nơi cử hành bí tích Hòa Giải thường là nhà thờ hay nhà

¹⁹⁶ x. IMR 310.

¹⁹⁷ x. IMR 117.

¹⁹⁸ x. IMR 305.

¹⁹⁹ x. GL 966; 968-969.

²⁰⁰ x. GL 986 §1.

nguyện. Tòa giải tội phải được đặt ở nơi dễ thấy và phải có ngăn cách giữa hối nhân với cha giải tội. Không được giải tội ở ngoài tòa, trừ khi có lý do chính đáng.²⁰¹

Điều 206

Khi cử hành bí tích Hòa Giải, trừ trường hợp khẩn cấp, các tư tế phải mặc áo chùng thâm hoặc áo alba, tùy nghi có thể mang thêm dây các phép; khi giải tội, tư tế phải đọc trọn mô thức (Công thức xá giải), trừ trường hợp nguy tử.

Điều 207

Hình thức xá giải:

- §1. Mỗi hối nhân đến gặp cha giải tội để xưng thú tội lỗi và lãnh nhận ơn tha thứ;
- §2. Khi có lý do chính đáng thì được sử dụng hình thức xưng tội cá nhân và tha tội tập thể;
- §3. Trường hợp đặc biệt thì được sử dụng hình thức giải tội tập thể.²⁰²

Điều 208

Việc tha vạ phá thai: Đức Thánh Cha Phanxicô trong tông thư *Misericordia et misera* đã ban cho các linh mục khi giải tội được tha vạ phá thai mà không phải thượng cầu lên cấp trên.²⁰³ Tuy nhiên, đặc ân trên không được áp dụng cho tư tế mắc vạ này.

Điều 209

Cách sử dụng công thức tha vạ:

- §1. Tha vạ tòa trong: Khi linh mục tha vạ tiền kết tòa trong và bí tích thì dùng công thức giải tội thông thường. Chỉ cần ngài có ý tha vạ khi ban bí tích Hòa Giải là đủ. Tuy nhiên,

²⁰¹ x. GL 964.

²⁰² Chỉ áp dụng khi hội đủ điều kiện được nói ở GL 961 §1, 2^o.

²⁰³ x. MEM, 12.

cha giải tội có thể tha vạ trước khi tha tội bằng cách dùng công thức tha vạ tòa ngoài dưới đây.

§2. Tha vạ tòa ngoài, công thức: *Do quyền năng ủy thác cho cha, cha giải vạ tuyệt thông cho con. Nhân danh Cha và Con và Thánh Thần.*²⁰⁴

V. BÍ TÍCH XỨC DẦU BỆNH NHÂN

1. Nhiệm vụ

Điều 210

Thừa tác viên của Bí tích Xức Dầu là các tư tế (*Giám mục và linh mục*).

Điều 211

Bí tích này chỉ được ban cho người đã biết sử dụng trí khôn, trong tình trạng hiểm nghèo vì bệnh tật hoặc tuổi già.²⁰⁵

Tư tế cần ban Bí tích này ngay sau khi được báo, nếu không có lý do chính đáng, không được trì hoãn.

Điều 212

Các tư tế và các thân nhân của bệnh nhân phải liệu cho các bệnh nhân được lãnh nhận bí tích này lúc bệnh nhân còn tỉnh táo hoặc trước khi đưa họ đi bệnh viện.²⁰⁶

Điều 213

Giáo dân cũng cần được huấn luyện để biết cách giúp người sắp lâm chung giục lòng ăn năn tội cách lộn, cách kêu tên cực trọng,...

²⁰⁴ x. NTBTSH, Phụ Lục 1; John M. Huels. OSM, J.C.D. *Bạn Đường Mực Vù*, Đaminh M. Đức Sỹ C.M.C chuyển ngữ, 197-198.

²⁰⁵ x. GL 1004 §1.

²⁰⁶ x. GL 1001; NTXDBN, số 34-35.

2. Cử hành

Điều 214

Trường hợp thường khẩn:

§1. Bệnh nhân cần được nâng đỡ bằng các bí tích Hòa Giải,²⁰⁷ Xức Dầu và rước Mình Thánh Chúa.

§2. Bệnh nhân nguy tử được rước Mình Thánh Chúa như Cửa Ăn đăng.²⁰⁸ Nên cho bệnh nhân lặp lại lời tuyên xưng đức tin trong nghi thức trao Cửa Ăn đăng.²⁰⁹

Điều 215

Trường hợp trọng khẩn: Bệnh nhân được ban ơn toàn xá, Xức Dầu rồi trao Cửa ăn đăng.

Điều 216

Trường hợp tối khẩn: Ban ơn toàn xá và cho rước Cửa Ăn đăng. Sau đó, nếu điều kiện còn cho phép thì Xức Dầu, nếu không rước lễ được, thì ban ơn toàn xá rồi Xức Dầu.²¹⁰

Điều 217

Trường hợp đã bất tỉnh hoặc mất trí: Bệnh nhân dù đã bất tỉnh hay mất trí, vẫn có thể ban bí tích Xức Dầu.²¹¹ Trường hợp này, không giải tội,²¹² mà chỉ ban ơn toàn xá hay phép lành Tòa thánh trong giờ lâm chung.²¹³

Điều 218

Trường hợp đã chết hay còn hồ nghi: Nếu bệnh nhân đã chết thì không Xức Dầu. Nếu hồ nghi, thì ban ơn toàn xá và bí tích

²⁰⁷ x. NTXDBN, số 104; 120.

²⁰⁸ x. NTXDBN, số 30.

²⁰⁹ x. NTXDBN, số 28.

²¹⁰ x. NTXDBN, số 116; số 30.

²¹¹ x. NTXDBN, số 14.

²¹² Bí tích Xức Dầu cũng ban ơn tha tội nếu bệnh nhân không thể xưng tội được. x. Sách GLHTCG, số 1532.

²¹³ x. NTXDBN, số 106; số 122.

Xức Dầu với điều kiện.²¹⁴

VI. BÍ TÍCH HÔN PHỐI

1. Thủ tục thông thường

1.1. Đăng ký và cử hành

Điều 219

Đôi bạn có thể xin cử hành hôn phối tại giáo xứ bên nam hoặc bên nữ, khi họ đã có cư sở hay bán cư sở tại đó hoặc ít ra đã cư ngụ được một tháng, họ cũng có thể xin cử hành ở một nơi khác khi có lý do chính đáng, với phép của Đấng Bản Quyền hay của cha xứ riêng.²¹⁵

Điều 220

Đôi bạn đăng ký kết hôn tại giáo xứ mà họ được chấp nhận cử hành hôn phối, trước khi đăng ký kết hôn dân sự.²¹⁶

Điều 221

Thời gian từ khi đăng ký kết hôn đến khi cử hành hôn phối thông thường là 3 tháng.²¹⁷

1.2. Giới thiệu

Điều 222

Giấy giới thiệu: Khi đôi bạn xin cử hành hôn phối tại một giáo

²¹⁴ x. NTXDBN, số 15; số 135.

²¹⁵ x. GL 1115. Trường hợp khác giáo phận, cần tuân theo các quy định của giáo phận đó.

²¹⁶ Việc này sẽ giúp tránh được những trường hợp đã đăng ký kết hôn dân sự mà không thể cử hành hôn phối được vì có ngăn trở. Ngoài ra, vì ích lợi mục vụ và theo văn hóa gia đình Việt Nam, khi đến gặp cha xứ, nên có sự hiện diện của cha mẹ đôi bên, ít là cha hoặc mẹ. Trường hợp cha mẹ không thể hiện diện thì có thể cho số điện thoại để liên lạc, nhờ đó có thể giúp lượng định sự trung thực của đôi bạn cách đầy đủ rõ ràng hơn.

²¹⁷ TTHPGT, điều 2, số 5.

xứ khác, nếu xét thấy có lý do chính đáng, thì cha xứ riêng của đương sự viết giấy giới thiệu cho cha xứ nơi cử hành hôn lễ. Giấy giới thiệu này cũng được hiểu là cho phép kết hôn tại một nơi khác như đề cập ở điều 219.²¹⁸

Điều 223

Trường hợp người ngoại giáo đến đăng ký kết hôn với người Công giáo, xét vì người này chưa thuộc mình coi sóc nên không thể viết thư giới thiệu hoặc đòi thư giới thiệu từ một cha xứ khác, do đó, cần đón tiếp ân cần, hướng dẫn cụ thể để họ dễ dàng tiến hành các thủ tục kết hôn.

Điều 224

Hồ sơ hôn phối: Cha xứ nơi cử hành hôn phối tiến hành và thu thập hồ sơ cần thiết. Hồ sơ gồm:

1. Giấy giới thiệu kết hôn, nếu một hoặc cả hai bên không thuộc giáo xứ nơi cử hành.²¹⁹
2. Giấy chứng nhận Rửa Tội và chứng nhận Thêm Sức không quá 6 tháng, nếu một hoặc cả hai bên không thuộc giáo xứ nơi cử hành.
3. Tờ khai trước khi kết hôn.
4. Giấy rao hôn phối và kết quả rao.²²⁰

²¹⁸ Khi gửi thư giới thiệu, cha xứ gửi kèm chứng thư rửa tội, thêm sức. Chứng thư này có giá trị trong vòng 6 tháng kể từ ngày cấp.

²¹⁹ Cha xứ có bốn phận cấp giấy giới thiệu cho con cái của mình để tham gia học hôn nhân ở một nơi khác, không được từ chối vì bất cứ lý do gì. Trường hợp một người ngoại giáo nơi khác đến xin kết hôn với một người thuộc giáo xứ, cha xứ có thể viết đôi lời giới thiệu để giúp người ngoại giáo này dễ dàng hơn trong việc tiếp xúc với cha xứ ở địa phương họ để được điều tra, xác nhận tình trạng thông dong, v.v...

²²⁰ Tờ khai trước khi kết hôn và giấy rao hôn phối phải làm ngay từ đầu để biết trước những ngăn trở nếu có và do cha xứ nơi cử hành hôn phối thực hiện. Nơi nhận được thư xin rao, thì phải rao theo luật, không được trì hoãn.

5. Chứng chỉ giáo lý hôn nhân.
6. Giấy đăng ký kết hôn dân sự.²²¹
7. Giấy miễn chuẩn ngăn trở, giấy phép cử hành hôn nhân hỗn hợp, trong trường hợp luật đòi buộc.²²²

1.3. Học giáo lý hôn nhân

Điều 225

Thời gian: 3 tháng. Khi có lý do đặc biệt, tùy theo phán đoán của cha xứ, có thể rút ngắn thời gian học, miễn là bảo đảm những kiến thức căn bản về hôn nhân Công giáo.

Điều 226

Nơi học: Các đôi hôn phối có thể xin học giáo lý hôn nhân tại giáo xứ riêng của mình hoặc tại giáo xứ khác.

Điều 227

Giáo trình: “Giáo lý hôn nhân và gia đình” do Hội đồng Giám mục Việt Nam phát hành năm 2014.²²³

Điều 228

Chứng chỉ: Chỉ có cha xứ mở lớp giáo lý hôn nhân mới có quyền cấp chứng chỉ giáo lý hôn nhân hợp lệ.²²⁴ Nếu đôi bạn đã có chứng chỉ hôn nhân hợp lệ được cấp trong hoặc ngoài giáo phận, cha xứ thụ lý hồ sơ buộc phải công nhận chứng chỉ đó.

1.4. Rao và điều tra hôn phối

Điều 229

²²¹ Chứng chỉ giáo lý hôn nhân và Giấy đăng ký kết hôn dân sự phải hoàn tất trước khi cử hành hôn phối.

²²² Cha xứ chỉ giới thiệu đôi hôn phối xin chuẩn khác đạo sau khi đã điều tra cẩn thận và không có ngăn trở. Hồ sơ phải ghi cẩn thận, đầy đủ và nhận xét về tình trạng của họ.

²²³ TTHPGT, điều 1.

²²⁴ x. TTHPGT, điều 1, số 4.

Cha xứ nơi cử hành hôn phối viết thư rao và điều tra hôn phối rồi gửi cho các cha xứ liên hệ.²²⁵ Các cha xứ cần thư rao sớm nhất có thể, tránh những bất cập về thời gian rao, làm ảnh hưởng đến đôi bạn và tình hiệp thông.

Điều 230

Thủ tục rao:²²⁶

- §1. Theo quy định của Hội đồng Giám mục Việt Nam, việc rao hôn phối được thực hiện vào ba Chúa Nhật liên tiếp. Linh mục chính xứ có quyền miễn rao một lần, cha quản hạt có quyền miễn rao hai lần, và Đấng Bản Quyền địa phương có quyền miễn rao ba lần.²²⁷ Tuy nhiên, tại giáo phận Vinh vẫn giữ nguyên truyền thống rao trong mọi thánh lễ hoặc ít nhất là trong những thánh lễ chính của một Chúa Nhật.
- §2. Nếu các đôi có liên quan đến người thuộc giáo phận khác thì theo quy định của giáo phận đó.
- §3. Trường hợp người ngoại kết hôn với người Công giáo, đương sự thuộc địa bàn xứ nào thì cha đó phải chịu trách nhiệm điều tra, không buộc rao trong nhà thờ.

Điều 231

Kết quả rao:

- §1. Thông thường, sau khi đã rao 3 ngày, cha xứ có thể chứng hôn hoặc cấp giấy kết quả rao.
- §2. Các cha xứ đã rao và điều tra hôn phối phải gửi lại kết quả cho cha xứ nơi cử hành hôn phối, cùng lời ghi chú nếu có vấn đề quan trọng hoặc hoài nghi.²²⁸

²²⁵ Khi không thể liên hệ được với cha quản xứ riêng của đương sự, như trường hợp người ngoại giáo ở quá xa một giáo xứ, để xác nhận tình trạng thông dong thì dựa vào giấy của chính quyền chứng thực chưa đăng ký kết hôn lần nào và lời chứng của gia đình cha mẹ đôi bên.

²²⁶ x. TTHPGT, điều 2, mục 8-9.

²²⁷ HDMVDD, số 75.

²²⁸ x. GL 1069-1070.

1.5. Cử hành hôn phối và những việc liên hệ

Điều 232

Nghi thức hôn phối: Thông thường, bí tích Hôn Phối được cử hành trong Thánh lễ,²²⁹ và phải theo sách Nghi Thức Cử Hành Hôn Nhân, do Hội đồng Giám mục Việt Nam ban năm 2008.²³⁰

Điều 233

Các đôi bạn lỡ làng: Các cha xứ cần lấy lòng bác ái và sự khôn ngoan để lo liệu cho họ. Trường hợp còn kín, cử hành trong Thánh lễ; trường hợp đã trống, để tránh gương xấu, có thể cử hành ngoài Thánh lễ hay gửi đi xứ khác. Tránh những hình thức kỷ luật quá nặng nề.

Điều 234

Chứng chỉ kết hôn: Sau khi cử hành, cha xứ nơi cử hành hôn phối phải gửi chứng chỉ kết hôn cho cha xứ nơi đương sự được rửa tội để ghi vào Sổ Rửa Tội,²³¹ và nên gửi cho các cha xứ liên hệ.

Điều 235

Cấp sổ: Cha xứ nơi cử hành hôn phối cấp sổ Gia đình Công giáo. Khi cần, cha xứ riêng của đôi bạn cũng có thể cấp sổ này.

Điều 236

Kết hôn giả: Không chấp nhận việc giả vờ kết hôn dân sự với một người nào đó vì bất cứ lý do gì.

Trường hợp đã kết hôn giả, nay muốn kết hôn theo phép đạo với một người khác, đương sự phải có quyết định ly hôn với

²²⁹ x. NTHP, số 29.

²³⁰ Nếu cử hành hôn phối vào ngày mang tính sám hối, đặc biệt là Mùa Chay, thì cha xứ nên lưu ý những người kết hôn biết tính chất riêng biệt của ngày đó. Các Chúa Nhật mùa Giáng Sinh và Thường Niên, khi cử hành hôn phối trong thánh lễ dành cho cộng đoàn giáo xứ, thì phải cử hành thánh lễ Chúa nhật. (x. NTHP, số 32, 34).

²³¹ x. GL 1122.

người đã kết hôn giả được cấp bởi tòa án dân sự. Sau đó tiến hành các thủ tục kết hôn thông thường.

2. Năng quyền chứng hôn

Điều 237

Đấng Bản Quyền địa phương và cha xứ có năng quyền chứng hôn thành sự trong lãnh thổ của mình, chẳng những cho những người thuộc quyền mà còn cho những người không thuộc quyền mình coi sóc, khi họ hội đủ điều kiện theo Giáo luật.²³²

Điều 238

Bất cứ Đấng Bản Quyền và cha xứ nào muốn chứng hôn ngoài lãnh thổ của mình, dù cho người thuộc quyền mình, phải có sự ủy quyền của Đấng Bản Quyền địa phương hoặc cha xứ nơi cử hành.²³³ Nếu không có sự ủy quyền này, việc chứng hôn của ngài sẽ vô hiệu.

Điều 239

Đấng Bản Quyền địa phương hoặc cha xứ được ủy quyền chứng hôn theo các quy tắc sau:

- §1. Khi ủy quyền cho tư tế hay phó tế nào thì phải có ủy quyền minh nhiên và xác định rõ ràng danh tính người được ủy, không được ủy quyền mặc nhiên hay suy đoán.²³⁴
- §2. Nếu là ủy quyền riêng biệt, thì có giá trị đối với những đôi hôn phối nhất định, không cần thư ủy quyền. Khi được thừa ủy riêng biệt, thì không được chuyển ủy nữa, trừ khi vị ủy quyền minh nhiên ban phép.²³⁵

²³² X. GL 1109.

²³³ X. GL 1111.

²³⁴ X. GL 1111 §2.

²³⁵ X. GL 137 §3.

§4. Nếu là ủy quyền tổng quát, thì phải làm bằng văn bản.

Điều 240

Người chứng hôn theo ủy quyền tổng quát sẽ hành động bất hợp pháp khi không chắc chắn về tình trạng thông dong của cả người nam và người nữ, tức là không chắc chắn hai người có ngăn trở tiêu hôn và tự do kết ước hay không.²³⁶

3. Hôn nhân khác đạo**Điều 241**

Hôn nhân khác đạo là hôn nhân giữa một người Công giáo và một người không được rửa tội.

Điều 242

Tiếp đón: Cha xứ cần dành thời giờ gặp gỡ đôi hôn nhân và cha mẹ hai bên để hướng dẫn và giúp đỡ họ.

Điều 243

Hồ sơ: Các đôi hôn nhân khác đạo cũng phải làm đầy đủ thủ tục hồ sơ như trường hợp hôn nhân thông thường, đồng thời phải có đơn xin miễn chuẩn hôn nhân khác đạo (theo mẫu chung của giáo phận).²³⁷

Điều 244

Điều kiện miễn chuẩn: Cha xứ phải giải thích để đôi bạn dự hôn hiểu rõ và chu toàn những điều kiện sau đây:

- 1^o Bên Công giáo phải tuyên bố mình sẵn sàng tránh mọi nguy cơ mất đức tin và thành thật cam kết sẽ làm hết khả năng để con cái được rửa tội và được giáo dục trong Giáo hội Công giáo;
- 2^o Phải kịp thời thông báo để bên không Công giáo biết

²³⁶ x. GL 1114.

²³⁷ Giấy miễn chuẩn hôn nhân khác đạo được làm thành hai bản, một bản gửi cho cha xứ tiến hành hồ sơ hôn phối, một bản lưu tại văn khố Tòa Giám mục.

những điều bên Công giáo phải cam kết, để họ ý thức thật sự về lời cam kết và nghĩa vụ của bên Công giáo;

30 Cả hai bên phải được giáo huấn về những mục đích và đặc tính chính yếu của hôn nhân mà không bên nào được phép loại bỏ.²³⁸

Điều 245

Cha xứ phải tiến hành rao và điều tra hôn phối trước khi ký đơn xin phép chuẩn.

Điều 246

Thẩm quyền miễn chuẩn: Đấng Bản Quyền địa phương có thẩm quyền miễn chuẩn hôn nhân khác đạo theo luật.²³⁹ Ngoài ra, Giám mục giáo phận còn ban năng quyền này cho đại diện tư pháp và các cha quản hạt.

Điều 247

Trường hợp không miễn chuẩn: Cha xứ không ký đơn xin miễn chuẩn hôn nhân khác đạo, nếu bên không rửa tội đã có hôn nhân tự nhiên, dù đã ly dị dân sự.²⁴⁰

Điều 248

Nghi thức: Khi cử hành hôn phối cho họ thì dùng nghi thức hôn nhân khác đạo: không cử hành trong Thánh lễ, và cũng không trao Mình Thánh Chúa cho bên Công giáo trong chính nghi thức cử hành hôn phối này.²⁴¹

4. Hôn nhân hỗn hợp

Điều 249

Hôn nhân hỗn hợp là hôn nhân giữa hai người đã được rửa tội, mà một bên thuộc Giáo hội Công giáo còn bên kia thuộc

²³⁸ X. GL 1125.

²³⁹ X. GL 1078 §1.

²⁴⁰ X. GL 1085; 1086 §1-2.

²⁴¹ X. NTHP, số 36.152-178.

một Giáo hội hay một cộng đoàn Giáo hội không hiệp thông trọn vẹn với Giáo hội Công giáo (Ví dụ: Tin Lành, Anh Giáo, Chính Thống,...).

Điều 250

Để chứng hôn hợp pháp hôn nhân hỗn hợp, phải có phép minh nhiên của Đấng Bản Quyền địa phương.²⁴² Những điều kiện để xin phép cử hành hôn nhân này cũng giống như trường hợp hôn nhân khác đạo.²⁴³

Điều 251

Hồ sơ hôn nhân hỗn hợp cũng tương tự như hồ sơ hôn nhân thông thường, ngoài ra còn phải thêm chứng thư rửa tội của người thuộc Giáo hội khác.

Điều 252

Không nhận hồ sơ hôn phối của người đã được rửa tội ngoài Giáo hội Công giáo mà đã kết hôn theo nghi thức Giáo hội đó, dù đã ly dị phần đời, trừ khi hôn phối của họ đã được tuyên bố vô hiệu.²⁴⁴

Điều 253

Phải sử dụng nghi thức cử hành hôn phối ngoài Thánh lễ, trừ khi cần thiết và có phép của Đấng Bản Quyền địa phương.²⁴⁵

²⁴² x. GL 1124-1125.

²⁴³ x. GL 1125; x. điều 224 và 244 của Kim Chỉ Nam này.

²⁴⁴ Giáo hội Công giáo không cứu xét và tháo gỡ hôn phối của người thuộc các cộng đoàn Giáo hội khác. Vì lý do đại kết, Giáo hội Công giáo tôn trọng luật lệ và thẩm quyền của những Giáo hội hay những cộng đoàn Giáo hội không hiệp thông trọn vẹn với Giáo hội Công giáo (x. đ.11, khác với Bộ giáo luật 1917, đ. 12 áp dụng luật lệ của Giáo hội Công giáo trên cả tín hữu Chính Thống, Tin Lành).

²⁴⁵ x. NTHP, số 36.

5. Đặc ân đức tin

5.1. Đặc ân thánh Phaolô

Điều 254

Đặc ân này dựa vào giáo huấn của thánh Phaolô trong thư gửi tín hữu Côrintô (1Cr 7, 10-16).

Điều 255

§1. Hôn nhân giữa hai người không chịu phép Rửa Tội được tháo gỡ nhờ đặc ân thánh Phaolô vì lợi ích đức tin của người đã được rửa tội do chính sự kiện người ấy tái hôn, miễn là người không được rửa tội chia tay người ấy.

§2. Nếu sau khi người chồng hoặc người vợ được rửa tội mà người không được rửa tội chia tay người ấy thì người ấy được quyền kết hôn với một người Công giáo. Người không chịu phép Rửa Tội được kể là chia tay, nếu không muốn sống chung với người đã được rửa tội hay không muốn sống chung hoà thuận mà không xúc phạm đến Đấng Tạo Hoá, trừ trường hợp sau khi chịu phép Rửa Tội, người được rửa tội đã gây ra nguyên nhân chính đáng để người kia chia tay.²⁴⁶

Điều 256

Để người được rửa tội tái hôn thành sự, thì luôn luôn phải chất vấn người không chịu phép Rửa Tội để biết:²⁴⁷

* Câu hỏi 1: Có muốn được rửa tội không?

* Câu hỏi 2: Có muốn chung sống hoà thuận với người đã được rửa tội mà không xúc phạm đến Đấng Tạo Hóa không?

Nếu bên kia trả lời 'Không' cả hai câu hỏi, thì người đã được rửa tội được kết hôn.

²⁴⁶ x. GL 1143.

²⁴⁷ x. GL 1144 §1.

Điều 257

Thông thường việc chất vấn được thực hiện sau khi đương sự đã được rửa tội, phải làm ở tòa ngoài và được ghi chép bằng văn bản. Nếu có lý do quan trọng, Đấng Bản Quyền địa phương có thể cho phép chất vấn trước khi rửa tội, hơn nữa ngài có thể chuẩn luôn việc chất vấn khi thấy rõ không thể chất vấn hoặc có chất vấn cũng vô ích.²⁴⁸

Điều 258

Giám mục giáo phận ban cho các cha xứ năng quyền thực hiện việc chất vấn này.

Điều 259

Vì một lý do nghiêm trọng, Đấng Bản Quyền địa phương có thể cho phép bên đã được Rửa Tội dùng đặc ân thánh Phaolô để kết hôn với bên không Công giáo đã được Rửa Tội hay không được Rửa Tội, nhưng cũng phải tuân giữ những điều mà luật đã quy định về hôn nhân hỗn hợp.²⁴⁹

5.2. Đặc ân thánh Phêrô**Điều 260**

Một người đàn ông chưa chịu phép Rửa Tội đồng thời có nhiều vợ không chịu phép Rửa Tội, sau khi đã rửa tội trong Giáo hội Công giáo, nếu khó sống với người vợ cả, thì có thể giữ lại một trong số những người vợ ấy, sau khi đã bỏ những người vợ khác. Điều trên đây cũng có giá trị đối với những người phụ nữ chưa chịu phép Rửa Tội đồng thời có nhiều chồng không chịu phép Rửa Tội.²⁵⁰

Điều 261

Sau khi đã lãnh nhận bí tích Rửa Tội, hôn nhân phải được cử hành theo thể thức hợp lệ, và nếu cần thì cũng phải giữ những

²⁴⁸ x. GL 1144 §2; 1145 §3.

²⁴⁹ x. GL 1147.

²⁵⁰ x. GL 1148 §1.

quy định về hôn nhân hỗn hợp, cũng như những quy định khác mà luật buộc phải giữ.²⁵¹

Điều 262

Một người sau khi đã được rửa tội trong đạo Công giáo, vì lý do tù đầy hay bách hại, nên không thể tái lập đời sống chung với người phối ngẫu không chịu phép Rửa Tội, thì có thể tái hôn, dù trong thời gian đó, người phối ngẫu ấy cũng đã được rửa tội, miễn là chưa hoàn hợp sau khi cả hai được rửa tội.²⁵²

Điều 263

Khi chứng hôn cho những người được hưởng đặc ân thánh Phêrô, phải áp dụng đúng nghi thức đã quy định cho từng trường hợp.

6. Ngăn trở tiêu hôn

Điều 264

Giáo luật 1983 quy định 12 ngăn trở tiêu hôn, theo đó, hôn nhân sẽ vô hiệu:

1. *Thiếu tuổi*: Người nam chưa tròn mười sáu tuổi, cũng như người nữ chưa tròn mười bốn tuổi, không thể kết hôn thành sự.²⁵³ Để kết hôn hợp pháp, người nam phải tròn 20 tuổi, người nữ phải tròn 18 tuổi.²⁵⁴

2. Bất lực giao hợp:

1^o Bất lực giao hợp có trước khi kết hôn và vĩnh viễn, hoặc

²⁵¹ X. GL 1148 §2.

²⁵² X. GL 1149.

²⁵³ X. GL 1083 §1.

²⁵⁴ Luật Hôn nhân và Gia đình mới nhất do Quốc Hội Việt Nam ban hành ngày 19.6.2014 (Số 52/2014/QH13) quy định về tuổi kết hôn ở điều 8,1.a: “*Nam từ đủ 20 tuổi trở lên, nữ từ đủ 18 tuổi trở lên*”. Việc kết hôn trước tuổi quy định được gọi là Tảo Hôn (điều 3.8), được xác định là kết hôn trái pháp luật (điều 3.6), và bị cấm rõ ràng ở điều 5.2.b.

phía bên nam hoặc phía bên nữ, hoặc tuyệt đối hoặc tương đối, tự bản chất huỷ tiêu hôn nhân.

2⁰ Nếu hồ nghi có ngăn trở bất lực, dù hồ nghi về luật hay về sự kiện, thì không được ngăn cản hôn nhân và cũng không được tuyên bố là hôn nhân bất thành, bao lâu còn hồ nghi.

3⁰ Tình trạng son sẻ không ngăn cản và cũng không huỷ tiêu hôn nhân, miễn là vẫn giữ nguyên những quy định của Giáo luật điều 1098.²⁵⁵

3. *Dây hôn phối:*

1⁰ Người đang bị ràng buộc bởi dây hôn phối trước, dù chưa hoàn hợp, thì kết hôn cũng bất thành.

2⁰ Dù hôn nhân trước bất thành hoặc được tháo gỡ vì bất cứ lý do nào, thì không vì đó mà được phép kết hôn lần nữa, trước khi thấy rõ cách hợp thức và chắc chắn rằng hôn nhân trước đã bất thành hoặc đã được tháo gỡ.²⁵⁶

4. *Khác đạo:*

1⁰ Hôn nhân giữa một người đã được rửa tội trong Giáo hội Công giáo hoặc đã được nhận vào Giáo hội ấy với một người không được rửa tội, thì bất thành.

2⁰ Không được miễn chuẩn ngăn trở này, trừ khi đã hội đủ các điều kiện được nói ở điều 244 của Kim Chỉ Nam này và Giáo luật 1126.

3⁰ Nếu vào lúc kết hôn, một bên vốn được coi là đã được Rửa Tội, hoặc hồ nghi về việc rửa tội của người ấy, thì chiếu theo quy tắc Giáo luật điều 1060, hôn nhân phải được suy đoán là thành sự, cho đến khi chứng minh được cách chắc chắn là một bên đã được Rửa Tội, còn bên kia thì

²⁵⁵ GL 1084.

²⁵⁶ x. GL 1085.

không.²⁵⁷

5. *Chức thánh*: Những người đã lãnh nhận chức thánh kết hôn bất thành.²⁵⁸

6. *Khẩn dòng*: Những người bị ràng buộc bởi lời khẩn công vĩnh viễn giữ đức khiết tịnh trong một hội dòng kết hôn bất thành.²⁵⁹

7. *Bắt cóc*: Không thể có hôn nhân giữa một người nam và một người nữ bị bắt cóc hay ít là bị giam giữ với chủ ý kết hôn với người nữ ấy, trừ khi người nữ tự ý lựa chọn cuộc hôn nhân ấy, sau khi đã được tách rời khỏi người bắt cóc và được đặt ở một nơi an toàn và tự do.²⁶⁰

8. *Tội ác*:

1⁰ Kẻ chủ ý kết hôn với một người nào đó mà gây ra cái chết cho người phối ngẫu của người ấy hay của mình, thì việc kết hôn này bất thành.

2⁰ Những người đã cộng tác với nhau cách thể lý hay luân lý để giết người phối ngẫu của họ, dù kết hôn với nhau cũng bất thành.²⁶¹

9. *Họ máu*:

1⁰ Những người có họ máu hàng dọc, từ dưới lên và từ trên xuống, hoặc pháp lý hoặc tự nhiên, kết hôn với nhau bất thành.

2⁰ Trong họ máu hàng ngang, hôn nhân bất thành cho đến hết bậc thứ bốn.

3⁰ Ngăn trở họ máu không nhân cấp.

²⁵⁷ X. GL 1086.

²⁵⁸ X. GL 1087.

²⁵⁹ X. GL 1088.

²⁶⁰ X. GL 1089.

²⁶¹ X. GL 1090.

40 Không bao giờ cho phép kết hôn, nếu còn hồ nghi hai bên có họ máu với nhau ở bất cứ bậc nào thuộc hàng dọc hay ở bậc thứ hai thuộc hàng ngang.²⁶²

10. *Họ kết bạn*: Những người có họ kết bạn ở bất cứ bậc nào thuộc hàng dọc kết hôn với nhau bất thành.²⁶³

11. *Công hạnh*: Ngăn trở công hạnh phát sinh từ một cuộc hôn nhân bất thành sau khi đã sống chung do tư hôn công khai hay hiển nhiên; ngăn trở này tiêu hôn ở bậc thứ nhất thuộc hàng dọc giữa người chồng với những người nữ có họ máu với người vợ, và ngược lại.²⁶⁴

12. *Dưỡng hệ*: Những người có họ với nhau do việc nhận con nuôi được pháp luật công nhận kết hôn với nhau bất thành ở hàng dọc hoặc ở bậc thứ hai thuộc hàng ngang.²⁶⁵

7. Miễn chuẩn ngăn trở

Điều 265

Không thể miễn chuẩn những ngăn trở thuộc luật tự nhiên: Bất lực, dây hôn phối, huyết tộc hàng dọc, huyết tộc hàng ngang cấp thứ hai.

Giáo hội chỉ có quyền miễn chuẩn những ngăn trở thuộc Giáo luật.

7.1. Trường hợp thông thường

Điều 266

Tòa thánh dành quyền miễn chuẩn:

§1. Ngăn trở do chức thánh hay do lời khấn công giữ đức khiết tịnh trọn đời trong dòng tu thuộc luật giáo hoàng.

²⁶² GL 1091.

²⁶³ GL 1092.

²⁶⁴ GL 1093.

²⁶⁵ x. GL 1094.

§2. Ngăn trở do tội ác được nói trong Giáo luật 1090.²⁶⁶

Điều 267

Đấng Bản Quyền địa phương có quyền miễn chuẩn tất cả các ngăn trở thuộc luật Giáo hội, trừ những ngăn trở thuộc quyền Tòa Thánh.²⁶⁷

7.2. Trường hợp nguy tử

Điều 268

Trong lúc nguy tử:

§1. Tòa thánh chỉ dành cho mình quyền miễn chuẩn ngăn trở do chức linh mục.²⁶⁸

§2. Đấng Bản Quyền địa phương được quyền miễn chuẩn các ngăn trở Giáo luật còn lại, kể cả miễn chuẩn thể thức cử hành hôn nhân.²⁶⁹

§3. Trong trường hợp không thể đến với Đấng Bản Quyền địa phương được, thì cha xứ hay thừa tác viên thánh được ủy quyền hợp lệ, cũng có năng quyền miễn chuẩn như Đấng Bản Quyền địa phương.²⁷⁰

§4. Trong cơn nguy tử, cha giải tội có quyền miễn chuẩn những ngăn trở kín đáo ở toà trong, vào lúc hoặc ngoài lúc ban bí tích Hòa Giải.²⁷¹

7.3. Trường hợp khẩn cấp

Điều 269

Khi mọi sự đã sẵn sàng cho lễ cưới mới biết có ngăn trở, nếu hoãn lại thì sẽ gây thiệt hại nặng nề về tinh thần và vật chất,

²⁶⁶ x. GL 1078 §2.

²⁶⁷ x. GL 1078 §1.

²⁶⁸ x. GL 1079 §1.

²⁶⁹ x. GL 1079 §1.

²⁷⁰ x. GL 1079 §2.

²⁷¹ x. GL 1079 §3.

thì:

- §1. Đấng Bản Quyền địa phương được chuẩn tất cả các ngăn trở khác thuộc Giáo luật, trừ ngăn trở chức thánh hoặc do lời khấn công vĩnh viễn giữ đức khiết tịnh trong một hội dòng thuộc luật giáo hoàng.
- §2. Nếu ngăn trở còn kín và không thể đến được với Đấng Bản Quyền địa phương, thì cha xứ hoặc những vị có năng quyền chứng hôn cũng được miễn chuẩn. Cha giải tội cũng được chuẩn ở tòa trong và không ghi chú.²⁷²
- §3. Cha xứ hoặc những người đã miễn chuẩn ngăn trở cho những trường hợp khẩn cấp phải lập tức thông báo cho Đấng Bản Quyền địa phương biết phép chuẩn đã được ban ở tòa ngoài và phải ghi phép chuẩn ấy vào sổ hôn phối.²⁷³

7.4. Những trường hợp phải xin phép Đấng Bản Quyền

Điều 270

Trừ trường hợp cần thiết, nếu không có phép Đấng Bản Quyền địa phương, không ai được chứng hôn:²⁷⁴

- 1^o Hôn nhân của những người không có cư sở;
- 2^o Hôn nhân nào không thể được công nhận hay không thể được cử hành chiếu theo quy tắc của luật dân sự;
- 3^o Hôn nhân của người mắc những nghĩa vụ tự nhiên phát sinh do cuộc phối hợp trước, đối với bên kia hoặc đối với con cái;
- 4^o Hôn nhân của người đã hiển nhiên chối bỏ đức tin Công giáo;
- 5^o Hôn nhân của người còn đang bị mắc vạ;
- 6^o Hôn nhân của người vị thành niên, khi cha mẹ không hay

²⁷² x. GL 1080 §1.

²⁷³ x. GL 1081.

²⁷⁴ GL 1071 §1.

biết hoặc đã phản đối cách hợp lý;

⁷⁰ Hôn nhân cử hành qua người đại diện, được đề cập trong Giáo luật điều 1105.

8. Hôn nhân với Việt kiều, ngoại kiều²⁷⁵

8.1. Hôn nhân với Việt kiều, ngoại kiều Công giáo

Điều 271

Những giấy tờ cần có:

¹⁰ Giấy giới thiệu kết hôn, giấy chứng nhận rửa tội, thêm sức; giấy chứng nhận tình trạng thông dong do cha xứ của các đương sự cấp; và chứng chỉ giáo lý hôn nhân;

²⁰ Giấy phép của chính phủ Việt kiều hoặc ngoại kiều cho phép đương sự kết hôn với người Việt Nam. Giấy phép này phải được Tòa đại sứ Việt Nam công chứng;

³⁰ Giấy chứng nhận kết hôn của Chính quyền tỉnh cấp.²⁷⁶

8.2. Hôn nhân với Việt kiều, ngoại kiều không Công giáo

Điều 272

Những giấy tờ và điều kiện cần thiết:

§1. Ngoài những giấy tờ cần thiết như trường hợp Việt kiều, ngoại kiều Công giáo, cha xứ nơi cử hành hôn phối giúp làm giấy xin miễn chuẩn hôn nhân khác đạo hoặc giấy xin phép cử hành hôn nhân hỗn hợp.

§2. Phải tuân giữ những quy định về điều kiện miễn chuẩn hôn nhân khác đạo và xin phép chứng hôn của hôn nhân hỗn hợp được nói ở điều 244 về hôn nhân khác đạo và điều 251 về hôn nhân hỗn hợp của Kim Chỉ Nam này.

²⁷⁵ HDMVBT, số 34-37.

²⁷⁶ Khi có lý do chính đáng, ít nhất phải có giấy hẹn của Sở Tư Pháp. Trường hợp nghi ngờ khả năng bảo lãnh để có thể chung sống, thì phải có giấy nhập cảnh (visa).

Điều 273

Các mục tử không nên nhận Hồ sơ xin đặc ân Phaolô đối với người Việt kiều hay ngoại kiều, khi biết chắc chắn không thể hỏi ý kiến người phối ngẫu trước kia để hoàn thiện thủ tục ban đặc ân.

8.3. Hôn nhân của hai Việt kiều, ngoại kiều**Điều 274**

Những giấy tờ cần thiết:

1. Giấy giới thiệu của cha xứ các đương sự, chứng chỉ bí tích, giấy chứng nhận tình trạng thông dong, và chứng chỉ giáo lý hôn nhân.
2. Giấy phép kết hôn dân sự (*Marriage License*) hay giấy hôn thú dân sự (*Certificate of Marriage*) của chính phủ ngoại quốc cấp.

8.4. Diện đính hôn với Việt kiều, ngoại kiều²⁷⁷**Điều 275**

Được cử hành lễ hôn phối khi có:

- 1⁰ Hồ sơ dân sự về diện đính hôn: bên người Việt Nam đã có hộ chiếu (*passport*), và giấy nhập cảnh (*visa*).
- 2⁰ Hồ sơ tôn giáo: đã có giấy giới thiệu kết hôn, giấy chứng chỉ bí tích, giấy chứng nhận tình trạng thông dong và giấy chứng chỉ giáo lý hôn nhân.

8.5. Người Công giáo Vinh ở nước ngoài**Điều 276**

Theo Giáo luật, việc chứng hôn mang tính tòng thổ triệt để, nghĩa là chỉ chứng hôn thành sự trong giới hạn địa hạt của mình.²⁷⁸ Vì thế, việc chứng hôn chỉ thành sự khi:

²⁷⁷ Nghĩa là chưa kết hôn chính thức.

²⁷⁸ X. GL 1109.

1⁰ Cha xứ sở tại, nơi hai người phối ngẫu đang sinh sống, chứng hôn;

2⁰ Cha xứ sở tại ủy quyền cho một linh mục khác chứng hôn;

3⁰ Chứng hôn tại Việt Nam, qua người đại diện.²⁷⁹

9. Những trường hợp hôn nhân đặc biệt

9.1. Ly thân

Điều 277

Nguyên tắc chung:

§1. Ly thân chỉ có thể được dùng như phương thuốc cuối cùng sau khi đã cố gắng mọi cách để giải hòa mà không mang lại kết quả.²⁸⁰

§2. Trong mọi trường hợp, khi hết lý do ly thân thì phải lập lại cuộc sống chung vợ chồng.²⁸¹

§3. Họ không bị ngăn cấm lãnh nhận các bí tích, đặc biệt bên bị phân ly, nghĩa là bên vô tội.²⁸² Quả thế, theo cách thức riêng của mình, tình trạng họ sống vẫn còn tôn trọng giá trị bất khả phân ly của hôn nhân.²⁸³

²⁷⁹ x. GL 1104 §1; 1105 §1.

²⁸⁰ Hai lý do hợp pháp để ly thân: ngoại tình (GL 1152); gây nguy hiểm nghiêm trọng về tinh thần hay thể xác cho bên kia hoặc cho con cái, hay bằng cách nào khác làm cho đời sống chung trở nên nặng nề (GL 1153). Trong trường hợp bị nguy hiểm nghiêm trọng về tinh thần hoặc thể xác, bên “nạn nhân” cũng có thể ly thân do quyền riêng của mình. Dù sao, trong cả hai trường hợp, ngoại tình hoặc nguy hiểm nghiêm trọng về tinh thần hoặc thể xác, thì trong vòng 6 tháng phải đưa vụ án ly thân ra trước nhà chức trách Giáo hội, và thẩm quyền này sẽ thẩm định xem có thể giải hòa đôi bên không, hoặc phải giải quyết bằng một sắc lệnh của Giám mục giáo phận hay bằng một bản án của thẩm phán, chiếu theo quy tắc của luật (x. GL 1692).

²⁸¹ x. GL 1153 §2.

²⁸² x. FC, số 83.

²⁸³ x. CNMVGĐ, số 211.

Điều 278

Thủ tục ly thân:

- §1. Dương sự làm đơn xin, nêu rõ lý do ly thân và trình cha xứ.
- §2. Sau khi đã điều tra cẩn thận, cha xứ cố gắng khuyên giải hai bên tái lập đời sống chung. Khi hòa giải bất thành, cha xứ trình lên Giám mục giáo phận.
- §3. Giám mục giáo phận cứu xét và nếu thấy hợp lý thì ban sắc lệnh chấp thuận cho ly thân hoặc ngài chuyển cho tòa án giáo phận xem xét.²⁸⁴

9.2. Ly dị

Điều 279

Trường hợp ly dị dân sự mà không tái hôn, cần phân biệt:

- §1. Đối với nạn nhân: nếu việc ly dị dân sự là cách thức duy nhất khả dĩ để bảo đảm những quyền lợi chính đáng, như sự an toàn về tinh thần hay thể xác cho bản thân, việc chăm sóc con cái, quyền thừa kế,²⁸⁵ thì nạn nhân vẫn không bị cấm xưng tội và rước lễ.
- §2. Đối với người gây ra việc ly dị: nếu họ ý thức rằng dù ly dị dân sự thì họ vẫn bị ràng buộc bởi dây hôn phối và hiện nay sống ly thân vì lý do chính đáng,²⁸⁶ đồng thời nếu họ tỏ lòng sám hối thì sau một năm cha xứ có thể cho họ được xưng tội rước lễ hoặc từng lần hoặc thường xuyên, tùy theo sự cân nhắc khôn ngoan của ngài.

Điều 280

Trường hợp ly dị tái hôn:

- §1. Các tín hữu ly dị tái hôn vẫn thuộc về Chúa Kitô và Giáo

²⁸⁴ x. GL 1692 §1.

²⁸⁵ x. CNMVGĐ, số 211; FC, số 83.

²⁸⁶ x. CNMVGĐ, số 212.

hội Người. Do đó, họ không thể bị loại ra khỏi tình yêu của Chúa Kitô, cũng như sự chăm sóc của Giáo hội, biểu lộ qua cộng đoàn giáo xứ.

§2. Một cách khách quan, việc ly dị tái hôn vừa đi ngược với đòi hỏi hoán cải của bí tích Hòa Giải, vừa trái ngược với tính bất khả phân ly của dây Hôn Phối đã thành sự, vì thế, người sống trong tình trạng đó thì không được xưng tội và rước lễ.²⁸⁷ Tuy nhiên, cấm hiệp thông Thánh Thể không có nghĩa là cấm tham dự Thánh lễ hoặc tham gia vào đời sống Giáo hội.

§3. Họ có thể được xưng tội rước lễ trở lại, với điều kiện:²⁸⁸

1⁰ Hoặc họ đã ly thân;

2⁰ Hoặc họ vẫn sống chung, vì hoàn cảnh đặc biệt không thể đảo ngược được hoặc đã cao niên, hoặc bệnh tật, hoặc còn con cái nhỏ tuổi cần cha mẹ giáo dục, nhưng họ đã quyết tâm sống hoàn toàn tiết dục, nghĩa là chấm dứt những quan hệ xác thịt và cư xử với nhau như bạn hữu, trong sự kính trọng và giúp đỡ lẫn nhau.

Trong trường hợp này họ phải làm đơn bày tỏ sự sám hối chân thành, nghĩa là ý thức việc mình cắt đứt dây hôn phối và tái hôn là một tội trọng, đồng thời nói lên quyết tâm chấm dứt sự chung sống vợ chồng và biến tương quan vợ chồng thành tương quan bạn hữu, kính trọng và giúp đỡ lẫn nhau. Cha xứ là người thẩm tra thực tế, ấn ký chứng nhận đơn xin của đương sự và quyết định cho họ được xưng tội rước lễ hay không.

Điều 281

²⁸⁷ x. GL 915; HỘI ĐỒNG GIÁO HOÀNG GIẢI THÍCH VĂN BẢN LUẬT PHÁP, Tuyên bố *Il Codice di Diritto Canonico*, 24/06/2000, trong *Communications* 32 (2000), 159-162.

²⁸⁸ x. FC, số 84; CNMVGĐ, số 220.

Cha xứ có nhiệm vụ tìm hiểu nguyên nhân dẫn đến sự tan vỡ những đôi hôn nhân trong giáo xứ. Nếu thấy có những dấu hiệu hôn nhân bất thành, thì ngài hướng dẫn họ làm hồ sơ trình lên tòa hôn phối giáo phận.

Điều 282

Đối với người tổ chức đám cưới bất hợp pháp:

- §1. Người Công giáo không cử hành hôn nhân theo Giáo luật, thì hôn phối của họ bất thành và bất hợp pháp, vì thế họ không được xưng tội rước lễ.²⁸⁹
- §2. Những người tích cực, chủ động tổ chức đám cưới đó sẽ phạm tội đồng lõa. Tội này sẽ được tha qua bí tích Giải tội với điều kiện ăn năn, dốc lòng chữa.
- §3. Cha xứ cần giải thích cho giáo dân hiểu về gương mù gương xấu khi tham dự đám cưới bất hợp pháp. Tuy nhiên, ngài không được tự ý ra vạ hoặc đưa ra những hình thức kỷ luật quá nặng nề, phương hại đến luật yêu thương và lợi ích của việc loan báo Tin Mừng.

VII. Á BÍ TÍCH

Điều 283

Các á bí tích là những dấu chỉ thánh, nhờ đó, phần nào phỏng theo các bí tích, những hiệu quả, đặc biệt là những hiệu quả thiêng liêng, được biểu thị và được thông ban nhờ lời khẩn cầu của Giáo hội.²⁹⁰

Điều 284

Việc bài trí và tôn kính ảnh tượng phải theo cấp độ: Chúa, Đức Mẹ, các thánh và ông bà tổ tiên.

Điều 285

²⁸⁹ x. GL 915; FC, số 84.

²⁹⁰ GL 1166.

Việc trừ quỷ chỉ hợp pháp khi có phép đặc biệt và minh nhiên của Đấng Bản Quyền giáo phận. Quyền này chỉ ban cho một linh mục đạo đức, khôn ngoan, sáng suốt và có đời sống vẹn toàn.²⁹¹ Vị này chỉ thực hiện việc trừ quỷ sau khi đã điều tra cẩn thận.

Điều 286

Những ai không được luật cho phép trừ quỷ thì không được tổ chức những buổi họp mặt cầu nguyện, trong đó có việc chất vấn ma quỷ hay tìm cách xác định danh tính của chúng.²⁹²

1. Tôn kính ông bà tổ tiên

Điều 287

Việc tôn kính ông bà tổ tiên được thực hiện như sau:²⁹³

- §1. Bàn thờ gia tiên để kính nhớ ông bà tổ tiên được đặt dưới bàn thờ Chúa trong gia đình, miễn là trên bàn thờ không bày biện điều gì mê tín dị đoan, như hồn bạch.
- §2. Việc đốt nhang hương, đèn nến trên bàn thờ gia tiên và vái lạy trước bàn thờ, giường thờ tổ tiên, là những cử chỉ thái độ hiếu thảo tôn kính và được phép làm.
- §3. Ngày giỗ cũng là ngày “kỵ nhật” được “cúng giỗ” trong gia đình theo phong tục địa phương miễn là loại bỏ những gì là dị đoan mê tín, như đốt vàng mã, và giảm thiểu cũng như thay đổi những lễ vật biểu dương đúng ý nghĩa thành kính biết ơn ông bà, như dâng hoa trái, hương đèn.

²⁹¹ x. GL 1172

²⁹² KCNGL & MV, tr. 141.

²⁹³ x. Hội Đồng Giám Mục Việt Nam, *Thông cáo về việc tôn kính Ông bà Tổ tiên và các bậc Anh hùng Liệt sĩ*, 20.10.1964; Hội nghị Nha Trang, 14.11.1974, trong Văn Phòng Tổng Thư Ký Hội Đồng Giám Mục Việt Nam, *Giáo hội Công giáo Việt Nam, Niên giám 2004*, Hà Nội 2004, “Giáo hội Việt Nam với việc thờ kính tổ tiên”, tr. 487-490.

§4. Trong hôn lễ, dâu rể được làm “Lễ Tổ, Lễ Gia Tiên” trước bàn thờ, giường thờ Tổ tiên, vì đó là nghi lễ tỏ lòng biết ơn, hiếu kính trình diện với ông bà.

§5. Trong tang lễ được vái lạy trước thi hài người quá cố, đốt hương vái theo phong tục địa phương để tỏ lòng cung kính người đã khuất cũng như Giáo hội cho đốt nến, xông hương nghiêng mình trước thi hài người quá cố.

§6. Được tham dự nghi lễ tôn kính vị thành hoàng quen gọi là phúc thần tại đình làng, để tỏ lòng cung kính biết ơn những vị mà theo lịch sử đã có công với dân tộc hoặc là ân nhân của dân làng, chứ không phải là mê tín như đối với các “yêu thần, tà thần”.

2. An táng

2.1. Lễ nghi

Điều 288

Nghi thức an táng:

§1. Phải được cử hành theo sách Nghi Thức An Táng do Ủy ban Phụng tự trực thuộc Hội đồng Giám mục Việt Nam ấn bản năm 2014.

§2. Nghi thức Phó dâng và tiễn biệt có thể do một phó tế cử hành.

§3. Khi không có linh mục và phó tế, giáo dân có thể chủ sự các nghi thức tại nhà tang và nghĩa địa. Cũng nên để họ chủ trì các buổi canh thức cầu cho người quá cố.²⁹⁴

2.2. Hình thức an táng

Điều 289

Trường hợp thông thường:²⁹⁵

²⁹⁴ x. NTAN, số 19.

²⁹⁵ x. ARCC, số 3-8.

- §1. Theo truyền thống, Giáo hội luôn mong muốn thi hài người quá cố được mai táng tại các nghĩa trang hoặc những địa điểm thánh thiêng.
- §2. Giáo hội không cấm hình thức hỏa táng vì lý do vệ sinh, kinh tế hay xã hội, miễn là không làm trái với ý muốn đã được nói rõ hoặc có thể suy diễn của người quá cố và không nghịch với đức tin.²⁹⁶
- §3. Nếu người quá cố đã bày tỏ ý muốn được hỏa táng và tung rắc tro, thì không được cử hành nghi lễ an táng theo nghi thức Giáo hội.

Điều 290

Việc hỏa táng cần lưu ý:

- §1. Sau khi hỏa táng, tro phải được lưu giữ ở nghĩa trang, thánh đường hoặc nơi thánh thiêng. Chỉ được phép giữ tro ở tư gia, khi có phép của Giám mục giáo phận.
- §2. Nếu được phép lưu giữ tại tư gia thì tro phải được giữ nguyên vẹn, không được phân chia ra các nhóm nhỏ.
- §3. Không được vung tro lên không trung hoặc rải trên đất, trên sông, trên biển,...; cũng không được cô tro thành các kỷ vật, đồ trang sức hay vật dụng.

Điều 291

Trường hợp đặc biệt:

- §1. Trừ khi đã biểu lộ dấu chỉ sám hối nào đó trước khi qua đời, những người sau đây không được an táng theo nghi thức Giáo hội:
- 1⁰ Những người bội giáo, lạc giáo và ly giáo hiển nhiên;
- 2⁰ Những người đã chọn hỏa táng thi hài mình vì những lý do nghịch với đức tin Kitô giáo;

²⁹⁶ x. GL 1176.

3⁰ Những tội nhân hiển nhiên khác, mà việc an táng theo nghi thức Giáo hội có thể sinh gương xấu công khai cho các tín hữu.

§2. Nếu nảy sinh một hồ nghi nào, thì phải tham khảo ý kiến của Đấng Bản Quyền địa phương và phải tuân theo phán quyết của ngài.²⁹⁷

2.3. Việc hậu sự

Điều 292

Việc hậu sự cần lưu ý:

§1. Không tổ chức ăn uống trong ngày an táng. Những dịp giỗ chạp, nên tổ chức đơn giản và lưu tâm đến khía cạnh đạo đức nhiều hơn.

§2. Việc sắp xếp ngày giờ cử hành an táng cần dung hòa giữa chương trình sinh hoạt của giáo xứ và mong muốn của gia đình. Cần tránh cử hành Thánh lễ vì lý do có tính cách dị đoan như xem ngày xem giờ.

§3. Mục vụ an táng có ý nghĩa truyền giáo rất lớn, đặc biệt tại các vùng giáo dân ở chung với lương dân, vì thế cần chú trọng lĩnh vực này.

§4. Nếu không có gì cản trở,²⁹⁸ nên đưa thi hài người quá cố đến nhà thờ để dâng Thánh lễ an táng, sau đó đưa đi mai táng.

§5. Sau lễ an táng, cha xứ phải ghi danh người quá cố vào sổ tử của giáo xứ.

²⁹⁷ x. GL 1184.

²⁹⁸ Lý do cản trở có thể là: nhà thờ quá chật, không có nơi đặt thi hài cho xứng hợp, quá xa, không thuận lợi cho việc đưa đi mai táng, cha xứ không thể dâng Thánh lễ; những bệnh hiểm nghèo có thể ảnh hưởng đến sức khỏe giáo dân khác...

CHƯƠNG III MỤC VỤ GIÁO XỨ

I. QUY ĐỊNH VỀ TỔ CHỨC MỤC VỤ

1. Châu lượt

Điều 293

Châu lượt là một truyền thống tốt đẹp của giáo phận Vinh đã có từ năm 1918, vì thế cần được tổ chức thật tốt để mang lại lợi ích thiêng liêng cho giáo dân.

Điều 294

Cha xứ cùng với các cha trong hạt phải liệu sao cho giáo dân xứ đó lãnh nhận bí tích Hòa giải đầy đủ; khơi lên lòng yêu mến Chúa Giêsu Thánh Thể nơi giáo dân. Trước tuần châu, cha hạt hoặc cha xứ sắp xếp để mời cha giảng lễ.

Điều 295

Các cha trong hạt buộc phải tham dự tuần châu đầy đủ và được đồng tế hai lần trong ngày. Các cha ngoài hạt không được đồng tế lần thứ hai.

Điều 296

Nhằm thắt chặt liên đới giữa anh em linh mục, trong 3 ngày châu lượt, các cha trong hạt nên ở lại giáo xứ đó để nguyện ngắm, đọc kinh thần vụ chung và chia sẻ cho nhau những kinh nghiệm mục vụ.²⁹⁹

Điều 297

Các giờ châu cần được tổ chức cách sốt sắng, nên có suy niệm, hát, đọc kinh và thỉnh lạng thánh. Trong ngày cao điểm tuần châu (Chúa Nhật) nên châu nhiều giờ liên tục trước khi châu

²⁹⁹ X. KCNLM, số 38.

giờ bế mạc.

Điều 298

Việc trang trí cần giảm bớt các băng rôn và tránh trích những câu khẩu hiệu có tính tiêu cực.

Điều 299

Việc rước nhập lễ cần đơn giản hơn, cần tránh làm cản trở giao thông.

2. Các lễ Quan thầy

Điều 300

Lễ Quan thầy các giáo xứ, giáo họ là dịp tốt để cha xứ thúc đẩy tinh thần chung của giáo dân và lo việc thiêng liêng cho họ. Vì thế:

- §1. Cần sắp xếp thời gian thuận tiện để giải tội, tĩnh tâm và học hỏi về Quan thầy, thăm viếng mục vụ,...
- §2. Tránh mọi hình thức tổ chức gây tốn kém, lãng phí, phô trương bề ngoài.
- §3. Nếu tổ chức những cuộc rước kiệu thì tránh làm ảnh hưởng trật tự giao thông.

Điều 301

Lễ Quan thầy cha xứ, cha phó:

- §1. Cần tổ chức cách âm thầm và đơn giản: không nên mời khách, tổ chức ăn uống, tiệc tùng, cũng không nên mời nhiều cha về đồng tế.
- §2. Cần hết sức tế nhị kéo làm chậm đến tận ái và gây hiểu lầm cho người khác, nhất là người nghèo.

3. Tạ ơn tân linh mục, tu sỹ

Điều 302

Dịp tạ ơn linh mục, tu sỹ:

- §1. Nên giảm bớt về hình thức tổ chức và lượng khách mời. Mỗi tân chức chỉ được tổ chức ăn mừng 1 lần và được mời dưới 1.000 khách.
- §2. Không tổ chức rước nhập lễ từ gia đình đến nhà thờ.
- §3. Tránh những hình thức tổ chức gây tốn kém và lãng phí, phô trương bề ngoài.
- §4. Những quy định này cũng áp dụng cho các linh mục, tu sĩ gốc Vinh về tổ chức tạ ơn tại quê hương.

4. Việc làm phúc hàng năm và tuần đại phúc

Điều 303

Để bảo đảm quyền lợi và đời sống thiêng liêng cho giáo dân đã được trao phó cho mình coi sóc, mỗi năm 2 lần, các cha xứ phải làm phúc tại giáo xứ và các giáo họ.

Điều 304

Thời gian làm phúc nên ưu tiên vào Mùa Chay và dịp cuối năm. Cha xứ cần có một chương trình cụ thể để cử hành các bí tích, giảng dạy giáo lý, thăm viếng hoặc có những sáng kiến mục vụ khác, tùy từng hoàn cảnh.

Điều 305

Nếu có điều kiện, cha xứ cũng nên tổ chức các tuần đại phúc.

5. Mục Vụ Di Dân

5.1. Đường hướng mục vụ

Điều 306

Người di dân cần được đón tiếp, bảo vệ, thăng tiến và hội nhập, vì thế:³⁰⁰

³⁰⁰ Pope Francis, *Message Of His Holiness Pope Francis For The 104th World Day Of Migrants And Refugees 2018*. <https://w2.vatican.va>. Truy cập ngày 2.11.2017.

§1. Giáo phận cần phối hợp với các nước, các vùng có nhiều di dân Vinh chung sống để thành lập các trung tâm hỗ trợ đời sống đức tin qua việc cử hành bí tích, các nghi thức phụng vụ và dạy giáo lý,... Bên cạnh đó, trong khả năng của mình, có thể hỗ trợ họ về mặt xã hội.³⁰¹

§2. Cần đưa chương trình mục vụ di dân vào trong chương trình huấn luyện tại chủng viện và chuẩn bị nhân sự làm tuyên úy cho di dân Vinh ở hải ngoại.

5.2. Những việc làm cụ thể

Điều 307

Di dân là một tình trạng khá phổ biến trong xã hội hôm nay, vì thế các cha xứ cần lưu ý:

1⁰ Giúp giới trẻ có định hướng rõ rệt.

2⁰ Chuẩn bị cho anh chị em, đặc biệt là các bạn trẻ, hành trang đức tin trước khi xa quê.

3⁰ Để có thể quản lý và hỗ trợ di dân, đương sự cần trình báo cha xứ khi rời quê và báo cho cha xứ nơi đến cư trú.

4⁰ Mỗi năm nên có dịp quy tụ anh chị em di dân để tĩnh tâm, dâng Thánh lễ,...

5⁰ Về vấn đề di dân, các cha có thể tham khảo Chương Trình Mục Vụ Di Dân đã được Hội đồng Giám mục Việt Nam ban hành năm 2017.³⁰²

Điều 308

Các giáo xứ thành phố và gần các khu công nghiệp:

§1. Tạo điều kiện cho di dân học giáo lý, lãnh nhận các bí tích và nhất là tham dự Thánh lễ cách thuận tiện.

³⁰¹ Ban Thư Ký HĐGMVN, *Hội nghị toàn quốc về mục vụ di dân 2015*. <http://hdgmvietnam.org>. Truy cập ngày 7.7.2017.

³⁰² Download file đính kèm tại địa chỉ: <http://hdgmvietnam.org/huong-dan-muc-vu-di-dan/9207.32.21.aspx>.

§2. Tổ chức các buổi tĩnh tâm, gặp mặt và hướng dẫn các thủ tục cần thiết để họ có thể hòa nhập cộng đồng.

§3. Phối hợp chặt chẽ giữa giáo phận gốc và giáo phận tiếp nhận.

6. Mục vụ giáo lý

Điều 309

Cha xứ là người chịu trách nhiệm chính trong việc điều hành và dạy giáo lý, đặc biệt là giáo lý xưng tội và rước lễ lần đầu, thêm sức, dự tòng, tân tòng và hôn nhân. Ngài cần thường xuyên thúc đốc, kiểm tra, hướng dẫn công tác giáo lý trong giáo xứ.

Điều 310

Bên cạnh việc xây dựng cơ sở vật chất, hàng năm cha xứ cần tổ chức các lớp bồi dưỡng kiến thức giáo lý và nghiệp vụ sư phạm cho giáo lý viên.

Điều 311

Cha xứ cần quan tâm đến hoàn cảnh gia đình các thầy cô, giúp họ an tâm phục vụ Giáo hội cách tốt nhất.

7. Mục vụ hội đoàn

7.1. Vai trò cha xứ

Điều 312

Cần thành lập các hội đoàn trong giáo xứ của mình nhằm cổ vũ tinh thần hiệp thông, tinh thần sống đạo, tinh thần truyền giáo và thực hành bác ái.³⁰³

Điều 313

Cần giúp giáo dân ý thức rằng việc tham gia các hội đoàn được

³⁰³ X. GL 215, 225 §1.

thiết lập là vì mục đích thiêng liêng.³⁰⁴

Điều 314

Chịu trách nhiệm điều hành và hướng dẫn các hội đoàn trong giáo xứ, vì thế ngài phải quan tâm, giúp các hội đoàn sống tình hiệp thông vì lợi ích chung, tránh sự chông chéo cạnh tranh giữa các hội đoàn.³⁰⁵

Điều 315

Cần tránh 2 thái cực:

- §1. Không quan tâm đến các hội đoàn, dẫn đến nguy cơ hội đoàn bị suy yếu, tan rã hoặc đi sai đường lối của Giáo hội.³⁰⁶
- §2. Can thiệp quá sâu, quyết định mọi việc, làm mất tính sáng tạo và kìm hãm sự vụ tông đồ của họ.³⁰⁷

7.2. Các hội đoàn và các đoàn thể**Điều 316**

Hiện nay trong giáo phận Vinh có các hội đoàn Công giáo tiến hành như sau:

Thiếu Nhi Thánh Thể, Giới Trẻ Con Đức Mẹ, Legio Mariae (Đạo Binh Đức Mẹ), Gia Đình Thánh Tâm, Phan Sinh Tại Thế (Dòng Ba Phan Sinh), Caritas Việt Nam, Khôi Bình Việt Nam, Hội Têrêxa, Hiệp Hội Thánh Thể (Dòng Ba Thánh Thể), Phong trào Cursillo, Hội Mân Côi.

Điều 317

Các đoàn thể: Hiền mẫu, Gia trưởng, Giới trẻ, Giáo lý viên, Ca đoàn, Nhạc đoàn, Ôn gọi, Doanh nhân, Công chức Công giáo, Ban trật tự,...

³⁰⁴ x. GL 298 §1; 327.

³⁰⁵ x. GL 529, §2.

³⁰⁶ x. GL 305, 323.

³⁰⁷ x. GL 321 §1; AA 25.

8. Mục vụ ơn gọi

Điều 318

Cha xứ cần lưu tâm đến mục vụ ơn gọi trong giáo xứ, cụ thể:

- §1. Kêu gọi cộng đoàn giáo xứ cầu nguyện cho ơn gọi.
- §2. Thành lập nhóm Mầm Ơn Gọi theo định hướng của Ban mục vụ ơn gọi giáo phận để khuyến khích và giúp đỡ các em theo đuổi lý tưởng của mình.
- §3. Hướng dẫn các em có ý hướng dâng mình cho Chúa lựa chọn ơn gọi phù hợp.³⁰⁸

Điều 319

Cộng tác với giáo phận, chủng viện và các hội dòng trong công việc đào tạo; sẵn sàng nhận và giúp đỡ các chủng sinh, tu sỹ đến làm việc và thực tập tại giáo xứ.

9. Mục vụ truyền giáo

Điều 320

Giáo hội là truyền giáo. Hơn ai hết, linh mục phải luôn thao thức và chăm lo việc truyền giáo.

Điều 321

Linh mục không những có bốn phận truyền giáo cho những người chưa biết Chúa đang sống trong địa bàn giáo xứ, mà còn phải tái truyền giáo cho giáo dân mình coi sóc.

Điều 322

Truyền giáo không chỉ bằng việc cầu nguyện, giảng giải Lời Chúa, tổ chức các buổi phụng vụ, cha xứ còn phải lưu tâm đến các việc từ thiện và văn hóa xã hội, cũng như thăm viếng các gia đình lương dân đang sống trên địa bàn của mình.

Điều 323

³⁰⁸ X. OT 2; PO 11.

Cha xứ cần cố võ việc tông đồ giáo dân, huấn luyện và mời gọi giáo dân cộng tác trong việc truyền giáo và các việc tông đồ khác;³⁰⁹ khuyến khích giáo dân tham gia các hội đoàn Công giáo tiến hành để cầu nguyện và làm việc truyền giáo.

10. Đối với những tín hữu đang sống xa Giáo hội

Điều 324

Noi gương Đức Giêsu, Vị Mục Tử Nhân Lành, các cha xứ cần biểu lộ đức ái mục tử đối với những người đang sống xa Giáo hội:

- §1. Phải luôn tôn trọng phẩm giá của họ, không lên án gắt gao và nêu tên của họ giữa cộng đoàn; khuyến khích họ tích cực tham gia các sinh hoạt trong giáo xứ.
- §2. Thường xuyên thăm hỏi, an ủi, khích lệ và giúp họ siêng năng tham dự Thánh lễ, thúc giục con cái sống đạo. Tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất để họ trở về với Chúa.
- §3. Tránh dùng các biện pháp chế tài, nhất là việc cấm lãnh nhận các bí tích như những phương tiện để trừng phạt. Bỏ mọi hình thức xử phạt những người này trước cộng đoàn khi họ sám hối trở về với Chúa và Giáo hội.

11. Đối ngoại

11.1. Với chính quyền

Điều 325

Chính quyền có nhiệm vụ điều hành đất nước để lo cho hạnh phúc của người dân, bởi vậy linh mục cần tôn trọng, lịch sự và tế nhị khi giao tiếp với họ. Trong khi đối thoại, linh mục cần giữ thái độ bình tĩnh và khoan dung.

³⁰⁹ x. AA 4,5,20; LG 33.

11.2. Với tôn giáo bạn

Điều 326

Các linh mục cần sống và cố võ tinh thần đối thoại liên tôn:

- §1. Tôn trọng tự do tín ngưỡng của mỗi người.
- §2. Tế nhị, cởi mở trong giao tiếp đối với các tôn giáo bạn.
- §3. Dành thời gian tìm hiểu về tôn giáo bạn để có thể dễ dàng và hiệu quả hơn trong việc đối thoại.

II. NHỮNG QUY ĐỊNH KHÁC

1. Tài sản giáo xứ, giáo họ

1.1. Quyền sở hữu

Điều 327

Tài sản giáo xứ, giáo họ là tài sản của Giáo hội, vì thế phải được quản trị và sử dụng theo những nguyên tắc chung của Giáo hội.³¹⁰

1.2. Mục đích sử dụng

Điều 328

Tài sản giáo xứ, giáo họ được sử dụng:

- §1. Tổ chức việc thờ phượng Thiên Chúa: xây dựng cơ sở vật chất, chi phí cho việc phụng tự, mua sắm các đồ dùng trong nhà thờ, tổ chức các dịp lễ,...
- §2. Trợ cấp xứng đáng cho hàng giáo sĩ, nhất là chu cấp thích đáng cho những nhu cầu của họ trong trường hợp đau yếu, tàn tật, cao niên; trả thù lao xứng hợp cho người giữ nhà thờ.
- §3. Làm việc tông đồ và bác ái, nhất là đối với những người

³¹⁰ X. GL 1282.

nghèo.³¹¹

§4. Hoạt động truyền giáo, đào tạo giáo sỹ, đào tạo các nhân sự của giáo xứ, giáo dục lương tâm, đồng hành với giới trẻ,...

1.3. Bản Quyền giáo phận

Điều 329

Đấng Bản Quyền có nhiệm vụ giám sát việc quản trị mọi tài sản thuộc những pháp nhân công dưới quyền mình.³¹²

Điều 330

Đấng Bản Quyền lo tổ chức việc quản lý toàn bộ tài sản trong giáo phận thông qua luật địa phương được Giáo luật trù liệu, đồng thời có trách nhiệm tổ chức kiểm tra và can thiệp vào tài sản giáo xứ.³¹³

1.4. Các cha xứ

Điều 331

Mọi tài sản của giáo xứ phải được cha xứ tôn trọng, coi sóc cẩn thận, sử dụng hợp lý.³¹⁴ Nếu để thiệt hại hay thất thoát do cha xứ sử dụng cách bất xứng hoặc thiếu trách nhiệm thì buộc phải bồi thường.

Điều 332

Cha xứ không được tự ý bán, chuyển nhượng bất cứ tài sản nào của giáo xứ vượt quá khung quản trị thông thường được nói ở điều 341 của Kim Chỉ Nam này, nếu không được phép của Đấng Bản Quyền giáo phận.³¹⁵

Điều 333

³¹¹ X. GL 1254 §2; 222 §1; 281.

³¹² X. GL 1276 §1; 392 §2.

³¹³ X. GL 1276 §2; 1279 §1.

³¹⁴ X. GL 1284.

³¹⁵ X. GL 1291-1292.

Khi rời khỏi giáo xứ, cha xứ không được mang theo bất cứ thứ gì của giáo xứ cũ.

1.5. Sự cộng tác của giáo dân

Điều 334

Khi quản trị tài sản giáo xứ, cha xứ cần sự cộng tác của một số giáo dân trỗi vượt về kiến thức, khôn ngoan và đức hạnh trong giáo xứ, nhất là của Hội đồng Mục vụ giáo xứ.³¹⁶

1.6. Việc quản trị tài sản

Điều 335

Việc quản trị tài sản cần được thực hiện cách khôn ngoan và minh bạch, phù hợp với các quy định của Giáo luật và dân luật.

- §1. Sổ sách và hồ sơ phải được quản lý chu đáo và bảo quản cẩn thận, kiểm tra hàng năm.
- §2. Hội đồng Mục vụ giáo xứ cộng tác trong việc dự trù các phương án chi thu và gây quỹ cho giáo xứ.³¹⁷
- §3. Cha xứ và Hội đồng Mục vụ giáo xứ cần làm một bản kiểm kê chính xác và chi tiết cũng như mô tả và đánh giá các tài sản giáo xứ.³¹⁸
- §4. Tùy hoàn cảnh địa phương, cha xứ có thể mời thành viên của Hội đồng Mục vụ giáo xứ trực tiếp ghi chép sổ sách quyết toán của giáo xứ và ngài chịu trách nhiệm kiểm tra định kỳ.
- §5. Cuối năm, cha xứ buộc phải làm bản tường trình về việc quản trị tài chính, trong đó phải nói rõ việc thu chi của giáo xứ, nộp bản sao về Tòa Giám mục cùng với sổ tắt

³¹⁶ X. GL 228 §2; 537.

³¹⁷ X. GL 493.

³¹⁸ X. GL 1283 §2.

niên.³¹⁹

1.7. Nguyên tắc xây dựng cơ sở vật chất

Điều 336

Để đảm bảo tính mỹ quan và bền vững, giáo xứ cần có quy hoạch tổng thể.

Điều 337

Để thiết lập quy hoạch tổng thể cần dựa vào quỹ đất, nhu cầu sinh hoạt, các công trình hiện có của giáo xứ, đặc biệt các công trình có giá trị lịch sử. Quy hoạch tổng thể này, khi đã được Giám mục giáo phận chuẩn nhận, nếu không có lý do chính đáng thì không được thay đổi.

Điều 338

Khi xây dựng một công trình của giáo xứ cần dựa vào các tiêu chí: bền vững, mỹ thuật và nhu cầu của cộng đoàn. Nếu là nhà thờ, nhà nguyện còn phải lưu ý đến quy định của phụng vụ.

Điều 339

Những công trình cần có phép của Giám mục giáo phận: nhà thờ, nhà nguyện, nhà xứ, trường giáo lý, sửa chữa hoặc thay đổi kết cấu nhà thờ.³²⁰

Khi xin phép cần có bản quy hoạch tổng thể, kèm theo bản tường trình chi tiết về công trình xây dựng, trong đó trình bày sự cần thiết và thống nhất của cộng đoàn, mục đích của công trình, dự toán tài chính và bản thiết kế.

1.8. Quản trị thông thường, quan trọng và ngoại thường

Điều 340

Giám mục giáo phận chỉ quy định những giới hạn và điều kiện khi giáo xứ thực hiện một hành vi quản trị quan trọng và

³¹⁹ X. GL 1284 §2, 8^o; 1283, 3^o.

³²⁰ X. GL 1215; IMR 291.

ngoại thường.³²¹

Điều 341

Quản trị thông thường bao gồm những việc diễn ra thường xuyên hoặc định kỳ trong giáo xứ như chi tiêu cho hoạt động của nhà thờ, nhà xứ,...³²² Trong hoàn cảnh hiện nay của giáo phận, Giám mục giáo phận dành cho cha xứ quyền bàn bạc với Hội đồng Mục vụ, đề ra những giới hạn chi tiêu thông thường cho giáo xứ.

Điều 342

Quản trị quan trọng và ngoại thường: xây dựng cơ sở vật chất, mua bán hoặc chuyển nhượng đất đai, vay nợ nhân danh giáo xứ, hoặc những hành vi khác vượt quá giới hạn quản trị thông thường.

Điều 343

Khi xin phép Giám mục để thực hiện một hành vi quản trị quan trọng và ngoại thường, cha xứ phải đính kèm biên bản cuộc họp Hội đồng Mục vụ giáo xứ thảo luận về công việc này.

2. Nội quy nhà xứ

Điều 344

Cha xứ nên có người giúp việc thường xuyên (ông bố, bà bố) trong nhà xứ. Ngài cần chu cấp cho họ cách xứng hợp. Nếu là nữ phải từ 45 tuổi trở lên.

Điều 345

Cha xứ và cha phó nên nuôi các chú trong nhà xứ. Các chú cần được nuôi dưỡng chu đáo, giáo dục nhân cách, rèn luyện ý hướng tu trì, làm quen với việc phụng vụ, thúc giục học văn hóa cũng như giáo lý.

³²¹ X. GL 1281.

³²² Lm. Phan Tấn Thành, *Giải Thích Giáo Luật* (Quyển 5-6-7), tr. 63-66.

Điều 346

Cha xứ không được nuôi con gái trong nhà xứ, kể cả cháu chắt. Cha xứ cũng cần tránh cho người nữ lưu lại qua đêm trong nhà xứ.

Điều 347

Các nữ tu:

- §1. Khi nhu cầu mục vụ cần sự trợ giúp của các nữ tu, cha xứ liên hệ với Bề trên của họ; tuyệt đối không chỉ định đích danh bất cứ thành viên nào, đồng thời phải tôn trọng luật lệ của họ.
- §2. Trong thời gian phục vụ tại giáo xứ, họ cần được đảm bảo điều kiện ăn ở xứng hợp và có thù lao cân xứng.

Điều 348

Giáo xứ cần trả thù lao xứng hợp cho người giữ nhà thờ, trừ khi họ tình nguyện đảm nhận công việc đó.

3. Tiền giỗ, tiền khấn nguyện

Điều 349

Tiền giỗ, tiền cầu nguyện, tiền xin lần hạt, tiền hòm Đức Mẹ hoặc các thánh,... là tài sản của Giáo hội, vì thế:

- §1. Tiền giỗ những ngày đại lễ giáo phận tổ chức và tiền các thùng ở các trung tâm hành hương cấp giáo phận, do giáo phận quản lý và sử dụng theo điều 328 của Kim Chỉ Nam này.
- §2. Tiền giỗ ngày Chúa nhật và lễ trọng, ở nhà thờ xứ cũng như các giáo họ, do cha xứ quản lý và sử dụng theo điều 328 của Kim Chỉ Nam này.
- §3. Tiền giỗ ngày lễ thường, tiền các thùng và tiền cầu nguyện tại các giáo họ thì Hội đồng Mục vụ giáo họ đó quản lý và sử dụng theo điều 328 của Kim Chỉ Nam này. Hàng năm, Hội đồng Mục vụ giáo họ phải báo cáo cho cha xứ về việc thu chi này.

§4. Tiền hòm Đức Mẹ hoặc các thánh, tiền xin cầu nguyện, lần hạt,... tại giáo họ nhà xứ thì do cha xứ quản lý. Số tiền này được sử dụng:

1^o để chi cho giáo họ nhà xứ thực hiện cách hợp lý những việc được nói ở điều 328 §3-4 của Kim Chỉ Nam này.

2^o để trợ cấp hợp lý cho thầy giúp xứ, bà bổ, các chú.

3^o sau khi đã được sử dụng cách hợp lý ở mục 1^o và 2^o, nếu số tiền còn dư, sẽ được sử dụng vào những việc đã được nói ở điều 328 §1-2.

§5. Tất cả các khoản trên đây phải có sổ sách thu chi rõ ràng.

4. Nghĩa vụ đối với Giáo phận

Điều 350

Tự bản chất, Giáo hội có quyền đòi buộc các tín hữu những gì cần thiết cho các mục đích riêng của mình.³²³

Điều 351

Tại giáo phận Vinh, tùy từng thời điểm, Giám mục giáo phận, sau khi tham khảo ý kiến của Hội đồng Linh mục và Hội đồng Kinh tế, quyết định mức đóng góp của giáo dân cho việc xây dựng giáo phận.³²⁴

³²³ X. GL 222 §1; 1260.

³²⁴ X. GL 1261-1263.

THƯ MỤC THAM KHẢO

1. *Bộ Giáo Luật 1983*, bản dịch của Hội Đồng Giám Mục Việt Nam, Hà Nội, Nxb. Tôn Giáo, 2006.
2. *Công Đồng Vatican II*, Đà Lạt, Phân Khoa Thần Học – Giáo hoàng học viện Piô X, 1972.
3. Bộ Giáo Lý Đức Tin, *Sách Giáo Lý Hội Thánh Công Giáo*, Hà Nội, Nxb. Tôn Giáo, 2011.
4. Bộ Phụng Tự, *Sách Các Phép và Lễ Nghi Giám Mục*.
5. Bộ Phụng Tự, *Nghi thức xức dầu bệnh nhân*.
6. Bộ Phụng Tự, *Nghi Thức Gia Nhập Kitô Giáo*.
7. Bộ Phụng Tự, *Nghi thức cử hành hôn nhân*.
8. Bộ Phụng Tự, *Nghi Thức An Táng*, Hà Nội, Nxb. Tôn giáo, 2014.
9. ĐGH Gioan Phaolô II, *Pastores Dabo Vobis (Những Mục Tử Như Lòng Mong Ước, 1992)*, nd. Lm. Phaolô Đậu Viết Hồng, Hà Nội, Nxb. Hồng Đức, 2015.
10. Hội Đồng Giám Mục Ý, *Cẩm nang mục vụ gia đình*.
11. Ordo Confirmationis, Editio Typica, 1973, Nova impressio, 2003.
12. Bộ Giáo sỹ, *Kim Chỉ Nam về Tác vụ và Đời sống linh mục*, Hà Nội, Nxb. Tôn giáo, 2013.
13. ĐGH Gioan Phaolô II, *Familiaris Consortio*, Hà Nội, Nxb. Tôn Giáo, 1992.
14. HĐGM Québec, Canada, *Kim Chỉ Nam Giáo Luật và Mục Vụ*, Học Viện Đaminh, 2014.
15. John M. Huels. OSM, J.C.D. *Bạn Đường Mục Vụ*, Đaminh M. Đức Sỹ C.M.C chuyển ngữ.
16. Phan Tấn Thành, *Giải Thích Giáo Luật (Quyển 5-6-7)*.
17. HĐGMVN - Ủy Ban Mục Vụ Di Dân, *Hướng Dẫn Mục Vụ Di Dân 2017*.
18. ĐGH Gioan Phaolô II, *Sắc Lệnh Mos Iugiter Obtinuit*, <http://caritasphucuong.org>.

19. ĐGH Phanxicô, *Khi Tham Dự Thánh lễ, Đừng Chụp Hình*, <http://vietcatholic.org>.
20. Pope Francis, *Message Of His Holiness Pope Francis For The 104th World Day Of Migrants And Refugees 2018*, <https://w2.vatican.va>.
21. ĐGH Phanxicô, *Tông thư Misericordia et Misera*, 12. Ban hành ngày 20.11.2016, <https://w2.vatican.va>.
22. Giáo phận Đà Lạt, *Hướng Dẫn Mục Vụ Bí Tích*, <http://giaoluatconggiao.com>.
23. H.Y Phêrô Nguyễn Văn Nhơn, *Một Số Quy Định về Thủ Tục Hôn Phối trong Giáo Tỉnh Hà Nội*, Hà Nội (29.6.2017), <http://gpvinh.com>.
24. HĐGMVM - Ban Mục Vụ Di Dân, *Hội nghị toàn quốc về mục vụ di dân 2015*, <http://hdgmvietnam.org>.
25. Hồng Y Gerhard Müller, Tổng Trưởng Bộ Giáo Lý Đức Tin, *Huấn Thị Ad Resurgendum Cum Christo Về Việc Mai Táng Và Lưu Giữ Tro Hỏa Táng*, (Roma, 15.8.2016), <http://hdgmvietnam.org>.

MỤC LỤC

KIM CHỈ NAM

Những Hướng Dẫn Mục Vụ

Lời Mở Đầu	5
-------------------------	----------

NHỮNG QUY TẮC TỔNG QUÁT.....	11
-------------------------------------	-----------

CHƯƠNG I

CƠ CẤU VÀ TỔ CHỨC GIÁO PHẬN

I. GIÁM MỤC	13
--------------------------	-----------

1. Giám mục giáo phận.....	13
----------------------------	----

2. Giám mục phó, Giám mục phụ tá.....	13
---------------------------------------	----

II. TỔNG ĐẠI DIỆN, ĐẠI DIỆN GIÁM MỤC	14
---	-----------

1. Tổng Đại diện	14
------------------------	----

2. Đại diện Giám mục.....	15
---------------------------	----

III. LINH MỤC	16
----------------------------	-----------

1. Cha quản hạt.....	19
----------------------	----

2. Cha xứ.....	20
----------------	----

3. Cha phó	25
------------------	----

4. Tương quan giữa cha xứ và cha phó	26
--	----

5. Truyền chuyển và nhận xứ mới.....	27
--------------------------------------	----

IV. HỘI ĐỒNG LINH MỤC	28
------------------------------------	-----------

V. BAN TƯ VẤN.....	29
---------------------------	-----------

1. Thành lập	29
--------------------	----

2. Nhiệm vụ	30
-------------------	----

VI. HỘI ĐỒNG KINH TẾ	31
-----------------------------------	-----------

VII. CÁC BAN MỤC VỤ TRONG GIÁO PHẬN	32
--	-----------

VIII. GIÁO HẠT, GIÁO XỨ VÀ CÁC TỔ CHỨC KHÁC....	33
--	-----------

1. Giáo hạt.....	33
------------------	----

2. Giáo xứ và các giáo họ	33
---------------------------------	----

3. Đền thánh – Trung tâm hành hương	36
---	----

IX. CHỦNG VIỆN, HỘI DÒNG VÀ TU ĐOÀN TÔNG ĐỒ	37
--	-----------

1. Chủng viện.....	37
--------------------	----

2. Các Hội dòng và Tu đoàn Tông đồ.....	38
---	----

CHƯƠNG II

MỤC VỤ BÍ TÍCH

I. BÍ TÍCH RỬA TỘI.....	39
1. Việc chuẩn bị.....	39
2. Cử hành bí tích Rửa Tội	41
3. Sổ Rửa Tội	43
II. BÍ TÍCH THÊM SỨC	44
III. BÍ TÍCH THÁNH THỂ	45
1. Dọn mình và cảm ơn	45
2. Sổ Thánh lễ được cử hành	46
3. Thánh lễ đồng tế	46
4. Cử hành Thánh lễ	50
5. Bổng lễ	56
6. Ngày Phụng vụ.....	59
7. Thánh lễ cầu hồn	63
8. Các vấn đề khác.....	64
IV. BÍ TÍCH HÒA GIẢI.....	68
V. BÍ TÍCH XỨC DẦU BỆNH NHÂN	70
1. Nhiệm vụ.....	70
2. Cử hành.....	71
VI. BÍ TÍCH HÔN PHỐI	72
1. Thủ tục thông thường	72
2. Năng quyền chứng hôn.....	77
3. Hôn nhân khác đạo	78
4. Hôn nhân hỗn hợp	79
5. Đặc ân đức tin	81
6. Ngăn trở tiêu hôn	83
7. Miễn chuẩn ngăn trở.....	86
8. Hôn nhân với Việt kiều, ngoại kiều.....	89
9. Những trường hợp hôn nhân đặc biệt	91
VII. Á BÍ TÍCH	94

1. Tôn kính ông bà tổ tiên.....	95
2. An táng.....	96

CHƯƠNG III

MỤC VỤ GIÁO XỨ

I. QUY ĐỊNH VỀ TỔ CHỨC MỤC VỤ	99
1. Châu lượt	99
2. Các lễ Quan thầy.....	100
3. Tạ ơn tân linh mục, tu sỹ	100
4. Việc làm phúc hàng năm và tuần đại phúc	101
5. Mục Vụ Di Dân	101
6. Mục vụ giáo lý	103
7. Mục vụ hội đoàn.....	103
8. Mục vụ ơn gọi.....	105
9. Mục vụ truyền giáo	105
10. Đối với những tín hữu đang sống xa Giáo hội	106
11. Đối ngoại.....	106
II. NHỮNG QUY ĐỊNH KHÁC	107
1. Tài sản giáo xứ.....	107
2. Nội quy nhà xứ	111
3. Tiền giỗ, tiền khẩn nguyện	112
4. Nghĩa vụ đối với Giáo phận	113
MỤC LỤC.....	117

